



DỰ ÁN
TÊN THƯƠNG MẠI:

HỢP ĐỒNG

MUA BÁN CĂN HỘ CHUNG CƯ

SỐ:

Mã số căn hộ: Tầng:.....Tháp:

GIỮA

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LÊ PHONG

VÀ

Ông/bà:

Bình Dương - Năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN CĂN HỘ CHUNG CƯ

DỰ ÁN:

TÊN THƯƠNG MẠI:

Số:

Mã số Căn hộ:Tầng: Tháp:

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;
- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;
- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;
- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
- Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
- Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Và các văn bản liên quan¹;

Hợp Đồng Mua Bán Căn Hộ Chung Cư (“Hợp Đồng”) này được lập ngày ... tháng năm, bởi và giữa Các Bên sau đây:

1. BÊN BÁN CĂN HỘ CHUNG CƯ (“Bên Bán”):

Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LÊ PHONG

Mã số thuế : 0311892472

Đại diện bởi : Ông Bùi Nguơn Phong Chức vụ: Giám Đốc

Địa chỉ trụ sở : Số 26/11, Khu phố Tây A, P. Đông Hòa, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Địa chỉ liên hệ : 1369/11 Tỉnh lộ 43, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại : 0903793679 Email: egv@lephong.vn

2. BÊN MUA CĂN HỘ CHUNG CƯ (“Bên Mua”):

Ông/Bà : Sinh năm:

CMND/CCCD/Passport : Ngày cấp:

Cơ quan cấp :

Địa chỉ thường trú :

¹ Bao gồm: Hồ sơ pháp lý của dự án, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và giấy tờ có liên quan đến việc đầu tư xây dựng nhà

Địa chỉ liên hệ :

Điện thoại : Email:

Nay, Các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Mua Bán Căn Hộ Chung Cư này với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **“Căn hộ”** là căn hộ có công năng sử dụng để ở và các phần diện tích có công năng sử dụng khác (nếu có) trong nhà chung cư được bán kèm theo căn hộ tại hợp đồng này, bao gồm: **“Căn hộ”** được xây dựng theo cấu trúc kiểu khép kín theo thiết kế đã được phê duyệt thuộc nhà chung cư do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lê Phong đầu tư xây dựng với các thông tin, đặc điểm của căn hộ chung cư được mô tả tại Điều 2 của hợp đồng này và **“Phần diện tích khác”** trong nhà chung cư (nếu có) và các trang thiết bị kỹ thuật sử dụng riêng gắn liền với căn hộ và các phần diện tích khác mà Bên mua sẽ mua từ Bên bán theo thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng này; “Phần diện tích khác” là các phần diện tích trong nhà chung cư không nằm trong diện tích sàn xây dựng căn hộ nhưng được bán cùng với căn hộ tại hợp đồng này.;
- 1.2. **“Nhà chung cư”** là toàn bộ nhà chung cư có căn hộ mua bán do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lê Phong làm chủ đầu tư, bao gồm bao gồm các căn hộ, diện tích kinh doanh thương mại dịch vụ, khu nhà trẻ, chỗ để xe và các công trình tiện ích chung của tòa nhà, kể cả phần khuôn viên (nếu có) được xây dựng trên thửa đất số ..., tờ bản đồ số thuộc dự án, tên thương mại: (“Dự Án”) tại phường, thành phố, tỉnh
- 1.3. **“Hợp Đồng”** là Hợp Đồng Mua Bán Căn Hộ Chung Cư này và toàn bộ các Phụ lục, tài liệu đính kèm cũng như mọi sửa đổi, bổ sung bằng văn bản đối với Hợp Đồng này do Các Bên lập và ký kết trong quá trình thực hiện Hợp Đồng;
- 1.4. **“Giá bán Căn hộ”** là tổng số tiền bán Căn hộ được xác định tại Điều 3 và Phụ lục 02 của Hợp Đồng này;
- 1.5. **“Bảo hành nhà ở”** là việc Bên Bán căn hộ chung cư thực hiện trách nhiệm bảo hành căn hộ chung cư theo quy định tại Điều 20 Luật Kinh doanh bất động sản để khắc phục, sửa chữa, thay thế các hạng mục được liệt kê cụ thể tại Điều 9 của Hợp Đồng này khi bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi vận hành sử dụng không bình thường mà không phải do lỗi của người sử dụng căn hộ gây ra trong khoảng thời gian bảo hành theo quy định của pháp luật nhà ở, pháp luật xây dựng và theo thỏa thuận trong Hợp Đồng này;
- 1.6. **“Diện tích sử dụng Căn hộ”** là diện tích sàn xây dựng được tính theo kích thước thông thủy của căn hộ và được ghi vào Giấy chứng nhận cấp cho người mua căn hộ, bao gồm cả phần diện tích tường/vách ngăn các phòng bên trong Căn hộ và diện tích ban công/lô gia (nếu có) gắn liền với Căn hộ đó, không tính tường/vách bao Căn hộ, tường phân chia các Căn hộ và diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật nằm bên trong Căn hộ. Khi tính diện tích ban công/lô gia thì tính toàn bộ diện tích sàn, tường hợp ban công, lô gia có phần diện tích tường chung thì tính từ mép trong của tường chung được thể hiện rõ trong bản vẽ thiết kế mặt bằng Căn hộ đã được phê duyệt. Kích thước thông thủy là kích thước được đo đến mép trong của lớp hoàn thiện tường/vách/đổ kính/lan can sát mặt sàn (không bao gồm các chi tiết trang trí nội thất như ốp chân tường/gờ/phào.....);

- 1.7. **“Diện tích sàn xây dựng Căn hộ”** là diện tích sàn xây dựng của căn hộ bao gồm cả phần diện tích lô gia gắn liền với căn hộ đó được tính từ tim tường bao, tường bao ngăn Căn hộ bao gồm cả diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật nằm bên trong Căn hộ;
- 1.8. **“Phần sở hữu riêng của Bên Mua”** là phần diện tích bên trong căn hộ, bên trong Phần diện tích khác trong nhà chung cư (nếu có) và các trang thiết bị kỹ thuật sử dụng riêng gắn liền với Căn hộ này; hoặc gắn liền với phần diện tích khác thuộc sở hữu riêng, phần diện tích khác trong Nhà chung cư được công nhận là sở hữu riêng cho chủ sở hữu Nhà chung cư;
- 1.9. **“Phần sở hữu riêng của Bên Bán”** là phần diện tích bên trong và bên ngoài Nhà chung cư và hệ thống trang thiết bị kỹ thuật gắn liền với các phần diện tích đó nhưng Bên Bán không bán mà giữ lại để sử dụng hoặc kinh doanh và Bên Bán cũng không phân bổ giá trị vốn đầu tư của phần diện tích thuộc sở hữu riêng này vào Giá bán Căn hộ; các phần diện tích này được công nhận là sở hữu riêng của Bên Bán theo quy định của Luật Nhà ở;
- 1.10. **“Phần sở hữu chung của Nhà chung cư”** là phần diện tích còn lại của Nhà chung cư ngoài phần diện tích thuộc sở hữu riêng của các chủ sở hữu các căn hộ trong nhà chung cư và các thiết bị thuộc sử dụng chung trong Nhà chung cư theo quy định của Luật nhà ở; bao gồm các phần diện tích, các hệ thống thiết bị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng được quy định tại khoản 2 Điều 100 của Luật Nhà ở và các phần diện tích khác được Các Bên thỏa thuận cụ thể tại Điều 11 của Hợp Đồng này;
- 1.11. **“Nội quy quản lý, sử dụng Nhà chung cư”** là Nội quy quản lý, sử dụng Nhà chung cư được quy định kèm theo Hợp Đồng Mua Bán Căn hộ và tất cả các sửa đổi, bổ sung được Hội nghị Nhà chung cư thông qua trong quá trình quản lý, sử dụng nhà ở;
- 1.12. **“Kinh phí bảo trì phần sở hữu chung Nhà chung cư”** là khoản tiền 2% giá trị căn hộ, phần diện tích khác bán; khoản tiền này được tính vào tiền bán và được tính trước thuế để nộp nhằm phục vụ cho việc bảo trì phần sở hữu chung của Nhà chung cư;
- 1.13. **“Dịch vụ quản lý vận hành Nhà chung cư”** là các dịch vụ quản lý vận hành Nhà chung cư nhằm đảm bảo cho Nhà chung cư hoạt động bình thường;
- 1.14. **“Bảo trì Nhà chung cư”** là việc duy tu, bảo dưỡng nhà ở theo định kỳ, sửa chữa khi có hư hỏng nhằm duy trì chất lượng Nhà chung cư; hoạt động bảo trì Nhà chung cư bao gồm việc kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, sửa chữa nhỏ, sửa chữa định kỳ và sửa chữa phần lớn phần xây dựng Nhà chung cư; kiểm tra, duy trì hệ thống an toàn phòng cháy, chữa cháy; thay thế các linh kiện hoặc các thiết bị sử dụng chung của toà nhà, cụm nhà chung cư;
- 1.15. **“Doanh nghiệp quản lý vận hành Nhà chung cư”** (hay **“Đơn vị quản lý”**) là đơn vị đủ điều kiện và chức năng thực hiện việc quản lý, vận hành Nhà chung cư sau khi Nhà chung cư được xây dựng xong và đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật;
- 1.16. **“Giấy chứng nhận”** là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên mua căn hộ theo quy định của pháp luật;
- 1.17. **“Phí quản lý vận hành”** là Phí quản lý vận hành Nhà chung cư được quy định tại Khoản 11.4 Điều 11 và Phụ lục 02 của Hợp Đồng này;
- 1.18. **“Bên”** hoặc **“Mỗi Bên”** được hiểu là Bên Bán và Bên Mua được quy định trong Hợp Đồng này;
- 1.19. **“Bên thứ ba”** là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không tham gia ký kết Hợp Đồng này;

- 1.20. Trừ khi ngữ cảnh hoặc các quy định của Hợp Đồng này có yêu cầu khác đi, thì mọi tham chiếu đến Điều và Phụ Lục là các tham chiếu đến Điều và Phụ Lục của Hợp Đồng này;

ĐIỀU 2. ĐẶC ĐIỂM CỦA CĂN HỘ MUA BÁN

2.1. Đặc điểm của Căn hộ mua bán:

- (a). Bên Bán đồng ý bán và Bên Mua đồng ý mua Căn hộ theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này với chi tiết và đặc điểm Căn hộ như sau:
- Vị trí Căn hộ: Mã số Căn hộ: Tầng: Tháp: thuộc dự án, tên thương mại: (“Dự Án”) tại phường, thành phố, tỉnh
 - Loại Căn hộ: ... phòng ngủ
 - Diện tích sử dụng Căn hộ (tạm tính):
 - Diện tích sàn xây dựng Căn hộ (tạm tính):
 - Tiêu chuẩn hoàn thành Căn hộ:
 - Mục đích sử dụng Căn hộ: Để ở
 - Năm hoàn thành xây dựng: ...
- (b). Diện tích sử dụng Căn hộ được tính theo kích thước thông thủy (gọi chung là diện tích thông thủy) theo quy định tại Khoản 1.6 Điều 1 Hợp đồng và là căn cứ để tính Giá bán Căn hộ quy định tại Điều 3 và Phụ lục 02 của Hợp Đồng này.
- (c). Trong Biên bản bàn giao Căn hộ, Các Bên sẽ ghi rõ diện tích sử dụng thực tế khi bàn giao Căn hộ, phần chênh lệch diện tích sử dụng thực tế so với diện tích sử dụng ghi trong Hợp Đồng này (nếu có). Biên bản bàn giao căn hộ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này. Diện tích Căn hộ được ghi vào Giấy chứng nhận cấp cho Bên Mua được xác định theo diện tích sử dụng thực tế khi bàn giao Căn hộ.
- (d). Hai bên nhất trí rằng, diện tích sử dụng ghi tại điểm này chỉ là tạm tính và có thể tăng lên hoặc giảm đi theo thực tế đo đạc tại thời điểm bàn giao căn hộ. Bên Mua có trách nhiệm thanh toán số tiền mua căn hộ cho Bên bán theo diện tích sử dụng thực tế khi bàn giao căn hộ.
- Nếu Diện tích sử dụng Căn hộ thực tế vượt quá% (.... phần trăm) và nhỏ hơn hoặc bằng ...% (..... phần trăm) so với Diện tích sử dụng Căn hộ tạm tính quy định tại Điểm a Khoản này thì Giá bán Căn hộ được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) tương ứng tính theo công thức bằng Đơn giá 01 (một) mét vuông nhân với phần diện tích tăng thêm hoặc giảm đi.
- Nếu Diện tích sử dụng Căn hộ thực tế chênh lệch nhỏ hơn hoặc bằng% (.....phần trăm) so với Diện tích sử dụng Căn hộ tạm tính quy định tại Điểm a Khoản này thì Các Bên đồng ý giữ nguyên Giá bán Căn hộ và không điều chỉnh lại giá.
- (e). Trường hợp diện tích sử dụng Căn hộ thực tế chênh lệch lớn hơn% (..... phần trăm) thì Bên Mua có quyền lựa chọn một trong ba phương thức sau:
- (i) Trường hợp Bên Mua tiếp tục đồng ý mua thì giá trị Căn hộ tăng/giảm được tính theo công thức tại Điểm d Khoản này; hoặc
 - (ii) Thanh lý Hợp Đồng này và Bên Bán sẽ hoàn trả toàn bộ khoản tiền đã nhận từ Bên Mua (không bao gồm tiền lãi chậm trả, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có)) cộng với một khoản tiền với mức lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn... (.....) tháng của Ngân hàng ...trên số tiền Bên Bán sẽ hoàn trả nêu trên tại thời điểm hoàn trả; hoặc
 - (iii) Theo đề xuất của Bên Bán, nếu Bên Bán còn Căn hộ khác chưa bán, Bên Mua sẽ lựa chọn một Căn hộ khác và ký kết Hợp Đồng Mua Bán Căn Hộ mới với Căn hộ đã được lựa chọn theo Giá bán Căn hộ mới áp dụng tại thời điểm ký Hợp Đồng này, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác.

2.2. Đặc điểm về đất xây dựng Nhà chung cư có Căn hộ quy định tại Khoản 2.1 Điều này:

- (a). Thửa đất số: ..
- (b). Tờ bản đồ số: ...
- (c). Diện tích đất sử dụng chung: m², phần diện tích đất trong cơ cấu phù hợp quy hoạch là ... m² (trong đó diện tích xây dựng công trình là m²).

2.3. Giấy tờ pháp lý của căn hộ: Bên bán cung cấp cho Bên Mua các thông tin, bản sao các giấy tờ sau đây:

- Văn bản số ngày của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số, số vào sổ cấp GCN do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày
- Giấy phép xây dựng số ngày của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương.
- Hợp đồng cấp bảo lãnh về nhà ở hình thành trong tương lai tại Dự án.
- Văn bản số ngày của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc huy động vốn theo hình thức bán nhà ở hình thành trong tương lai tại Dự án.

ĐIỀU 3. GIÁ BÁN CĂN HỘ VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

3.1. Giá bán Căn hộ được quy định chi tiết tại Phụ lục số 02 đính kèm Hợp Đồng này.

(a). Giá bán Căn hộ không bao gồm:

- (i) Kinh phí bảo trì phần sở hữu chung tương ứng 2% Giá bán Căn hộ chưa bao gồm thuế GTGT;
- (ii) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm theo thông báo của Cơ quan Thuế địa phương;
- (iii) Các khoản lệ phí trước bạ, phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, thuế giá trị gia tăng phát sinh (nếu có) do thay đổi quy định của pháp luật về chính sách thuế sau khi Hai Bên ký Hợp Đồng, và chi phí theo quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận cho Bên Mua. Các khoản lệ phí và chi phí này do Bên Mua chịu trách nhiệm thanh toán;
- (iv) Phí ngân hàng, phí chuyển khoản, phí bảo lãnh và các khoản phí tương tự khác do ngân hàng thu trên bất kỳ khoản thanh toán nào mà Bên Mua thanh toán cho Bên Bán;
- (v) Chi phí kết nối, lắp đặt các thiết bị và sử dụng các dịch vụ cho Căn hộ gồm: dịch vụ cung cấp gas, điện, nước, dịch vụ bưu chính, viễn thông, truyền hình, chi phí trông giữ xe và các dịch vụ khác mà Bên Mua sử dụng cho riêng Căn hộ. Các chi phí này Bên Mua thanh toán trực tiếp cho đơn vị cung ứng dịch vụ;
- (vi) Phí quản lý vận hành Nhà chung cư hàng tháng;
- (vii) Các chi phí khác (nếu có) đối với việc sở hữu Căn hộ theo các quy định của pháp luật tại từng thời điểm và thuộc trách nhiệm của Bên Mua theo quy định của pháp luật và Hợp Đồng này.

(b). Hai bên thống nhất kể từ ngày bàn giao căn hộ và trong suốt thời hạn sở hữu, sử dụng căn hộ đã mua thì Bên mua phải nộp các nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành, thanh toán kinh phí quản lý, vận hành nhà chung cư hàng tháng và các loại phí dịch vụ khác do việc sử dụng các tiện ích như: khí đốt, điện, nước, điện thoại, truyền hình cáp, cho nhà cung cấp dịch vụ.

3.2. Thời hạn thanh toán:

(a). Bên Mua thanh toán Giá bán Căn hộ, Kinh phí bảo trì phần sở hữu chung cho Bên Bán theo tiến độ cụ thể quy định tại Phụ lục 02 đính kèm Hợp Đồng này.

- (b). Trong trường hợp diện tích sử dụng thực tế chênh lệch so với diện tích ghi trong Hợp Đồng dẫn đến phải điều chỉnh Giá bán Căn hộ, việc thanh toán bù trừ giá trị phần chênh lệch tăng/giảm (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định tại Khoản 8.3 Điều 8 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 4. CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH NHÀ Ở

- 4.1. Bên Bán cam kết bảo đảm chất lượng công trình Nhà chung cư, trong đó có Căn hộ quy định tại Điều 2 Hợp Đồng này theo đúng yêu cầu trong thiết kế công trình và sử dụng đúng (hoặc tương đương) các vật liệu xây dựng Căn hộ mà Hai Bên đã cam kết.
- 4.2. Tiến độ xây dựng: Các Bên thống nhất, Bên Bán có trách nhiệm thực hiện việc xây dựng Nhà ở theo đúng tiến độ quy định tại Phụ lục 02 Hợp Đồng này.
- 4.3. Bên Bán phải thực hiện xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ nhu cầu ở tại khu Nhà chung cư của Bên Mua theo đúng quy hoạch, thiết kế, nội dung, tiến độ dự án đã được phê duyệt và bảo đảm chất lượng theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng do Nhà nước quy định.
- 4.4. Bên Bán phải hoàn thành việc xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ nhu cầu ở thiết yếu của Bên mua tại Nhà chung cư theo nội dung dự án và tiến độ đã được phê duyệt trước ngày bàn giao Căn hộ cho Bên mua, bao gồm: hệ thống đường giao thông, hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt, nước thải, hệ thống thông tin liên lạc bảo đảm kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN BÁN

5.1. Quyền của Bên Bán

- (a). Yêu cầu Bên Mua trả tiền mua Căn hộ theo đúng thỏa thuận tại Điều 3 và Phụ lục 02 của Hợp Đồng, được tính lãi suất trong trường hợp Bên Mua chậm thanh toán theo tiến độ thanh toán quy định tại Khoản 12.1 Điều 12 Hợp Đồng này;
- (b). Yêu cầu Bên Mua nhận bàn giao Căn hộ theo đúng thời hạn thỏa thuận trong Hợp Đồng này;
- (c). Được bảo lưu quyền sở hữu Căn hộ và có quyền từ chối bàn giao Căn hộ hoặc bàn giao bản chính Giấy chứng nhận của Bên Mua cho đến khi Bên Mua hoàn tất các nghĩa vụ thanh toán tiền theo thỏa thuận trong Hợp Đồng này;
- (d). Được quyền thay đổi trang thiết bị, vật liệu xây dựng công trình Nhà chung cư có chất lượng tương đương theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc theo quy định tại Phụ lục 01;
- (e). Có quyền ngừng hoặc yêu cầu nhà cung cấp ngừng cung cấp điện, nước và các dịch vụ tiện ích khác nếu Bên mua hoặc bên nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ từ Bên mua vi phạm Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư do Bộ Xây dựng ban hành và Nội quy quản lý, sử dụng Nhà chung cư đính kèm theo hợp đồng này.
- (f). Thực hiện các quyền và trách nhiệm của Ban quản trị Nhà chung cư trong thời gian chưa thành lập Ban quản trị Nhà chung cư; ban hành Nội quy quản lý, sử dụng Nhà chung cư; lựa chọn và ký Hợp đồng với doanh nghiệp quản lý, trường hợp Chủ đầu tư quản lý thì phải đủ điều kiện theo quy định pháp luật về vận hành Nhà chung cư để quản lý vận hành Nhà chung cư kể từ khi đưa Nhà chung cư vào sử dụng cho đến khi Ban quản trị Nhà chung cư được thành lập;
- (g). Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo thỏa thuận tại Điều 15 của Hợp Đồng này;
- (h). Yêu cầu Bên Mua nộp phạt vi phạm Hợp Đồng và bồi thường thiệt hại (nếu có) khi vi phạm các thỏa thuận thuộc diện phải nộp phạt hoặc phải bồi thường trong Hợp Đồng này hoặc theo quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật;
- (i). Từ chối yêu cầu của Bên Mua không đúng với các thỏa thuận của nội dung Hợp Đồng này và các yêu cầu không phù hợp với quy định pháp luật;
- (j). Bên Bán được quyền bàn giao Giấy chứng nhận cho Tổ chức tín dụng trong trường hợp Bên Mua thế chấp quyền mua Căn hộ cho Tổ chức tín dụng và chưa hoàn tất việc thanh toán cho Tổ chức tín dụng (nếu có);

- (k). Khi chấm dứt Hợp Đồng này, Căn hộ quy định tại Điều 2 Hợp Đồng này vẫn thuộc sở hữu của bên Bán, Bên Bán có toàn quyền định đoạt và bán Căn hộ cho bất kỳ Bên thứ ba nào, ngoại trừ trường hợp Sự kiện bất khả kháng xảy ra sau khi bàn giao Căn hộ;
- (l). Các điều chỉnh, thay đổi, thay thế các thiết kế, kết cấu kỹ thuật, đặc điểm, đặc trưng, mặt bằng sàn của Căn hộ, Phần sở hữu chung Nhà chung cư và dự án, mục đích sử dụng dự kiến của Phần sở hữu chung Nhà chung cư được thực hiện trong trường hợp (i) có yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc (ii) theo thỏa thuận với Bên Mua và được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Trong trường hợp này, Bên Bán không được xem là vi phạm Hợp Đồng, trừ khi việc điều chỉnh, thay đổi, thay thế theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền do lỗi của Bên Bán;
- (m). Các quyền khác theo quy định pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của Bên Bán

- (a). Cung cấp cho Bên Mua các thông tin chính xác về quy hoạch chi tiết, thiết kế Nhà chung cư và thiết kế Căn hộ đã được phê duyệt; Cung cấp cho Bên mua kèm theo hợp đồng này 01 bản vẽ thiết kế mặt bằng căn hộ bán, 01 bản vẽ thiết kế mặt bằng tầng nhà có căn hộ bán, 01 bản vẽ thiết kế mặt bằng tòa nhà chung cư có căn hộ bán đã được phê duyệt và các giấy tờ pháp lý có liên quan đến việc mua bán căn hộ;
- (b). Xây dựng nhà ở và các công trình hạ tầng theo đúng quy hoạch, nội dung hồ sơ dự án và tiến độ đã được phê duyệt, đảm bảo khi bàn giao thì Bên Mua có thể sử dụng và sinh hoạt bình thường;
- (c). Thiết kế diện tích, mặt bằng Căn hộ và thiết kế công trình hạ tầng tuân thủ quy hoạch và các quy định của pháp luật về xây dựng, đảm bảo thiết kế diện tích, mặt bằng Căn hộ sẽ không bị thay đổi, trừ trường hợp có yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc theo thỏa thuận giữa Bên Mua và Bên Bán và được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
- (d). Đảm bảo chất lượng xây dựng, kiến trúc kỹ thuật và mỹ thuật Nhà chung cư theo đúng tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;
- (e). Quản lý Căn hộ trong thời gian Bên Mua chưa đến nhận bàn giao theo thông báo của Bên Bán nhưng không quá ... (...) ngày kể từ ngày đến hạn theo thông báo bàn giao Căn hộ. Sau thời hạn nói trên, việc bàn giao được thực hiện theo quy định tại Khoản 8.4 Điều 8 của Hợp Đồng này và theo quy định pháp luật;
- (f). Bàn giao Căn hộ và các giấy tờ pháp lý có liên quan đến Căn hộ mua bán cho Bên Mua theo đúng thời hạn thỏa thuận trong Hợp Đồng này;
- (g). Hướng dẫn và hỗ trợ Bên Mua ký kết Hợp đồng sử dụng dịch vụ với nhà cung cấp điện nước, viễn thông, truyền hình cáp;
- (h). Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật: Nộp tiền sử dụng đất, các khoản phí và lệ phí khác liên quan đến việc bán Căn hộ mà theo quy định của pháp luật Bên Bán phải chịu;
- (i). Thực hiện thủ tục để cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho Bên Mua. Trong trường hợp này, Bên Bán sẽ có văn bản thông báo cho Bên Mua về việc nộp các giấy tờ liên quan để Bên Bán làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho Bên Mua; Trong thời hạn ... ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên Bán mà Bên Mua không nộp đầy đủ các giấy tờ theo thông báo mà không có lý do chính đáng thì coi như Bên Mua tự nguyện đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận. Khi Bên Mua tự nguyện làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận thì Bên Bán sẽ hỗ trợ và cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý về Căn hộ mua bán cho Bên Mua khi Bên Mua có văn bản yêu cầu theo quy định của pháp luật;

Bên Bán sẽ tiến hành các thủ tục đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho Bên Mua trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày bàn giao nhà ở cho Bên Mua trừ trường hợp Bên Mua tự làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận;
- (j). Tổ chức Hội nghị Nhà chung cư lần đầu để thành lập Ban quản trị Nhà chung cư nơi có Căn hộ

bán; thực hiện các nhiệm vụ của Ban quản trị Nhà chung cư khi Nhà chung cư chưa thành lập được Ban quản trị;

- (k). Hỗ trợ Bên Mua để Bên Mua thực hiện các thủ tục thế chấp Căn hộ đã mua tại tổ chức tín dụng khi có yêu cầu của Bên Mua;
- (l). Bên Bán có trách nhiệm bảo vệ thông tin của Bên Mua, không được phép thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của Bên Mua cho Bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý của Bên Mua trừ trường hợp Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;
- (m). Nộp phạt vi phạm Hợp Đồng và bồi thường thiệt hại cho Bên Mua khi vi phạm các thỏa thuận thuộc diện phải nộp phạt hoặc bồi thường trong Hợp Đồng này hoặc theo quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- (n). Nộp kinh phí bảo trì 2% theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích thuộc sở hữu riêng của Bên bán vào tài khoản mở tại ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở để Ban Quản trị nhà chung cư tiếp nhận, quản lý sau khi Ban Quản trị nhà chung cư được thành lập theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng này và quy định pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA

6.1. Quyền của Bên Mua:

- (a). Nhận bàn giao Căn hộ quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này có chất lượng với các thiết bị, vật liệu quy định tại Bảng danh mục vật liệu xây dựng mà Các Bên đã thỏa thuận tại Phụ lục 01 Hợp Đồng này;
- (b). Được sử dụng chỗ để xe (xe đạp, xe cho người tàn tật, xe động cơ hai bánh, xe động cơ ba bánh) trong bãi đỗ xe của Nhà chung cư tại phần diện tích thuộc sở hữu chung được sử dụng để làm bãi đỗ xe. Được quyền mua/thuê chỗ để xe ô tô trong bãi đỗ xe của Nhà chung cư theo công năng và theo thiết kế của Nhà chung cư đã được phê duyệt. Bên Mua phải trả phí trông giữ xe cho đơn vị cung ứng dịch vụ và phí thuê/tiền mua chỗ để xe ô tô cho Chủ đầu tư theo quy định (nếu có). Việc bố trí chỗ để xe ô tô của Nhà chung cư phải bảo đảm nguyên tắc ưu tiên cho các chủ sở hữu Nhà chung cư trước sau đó mới dành chỗ để xe công cộng;
- (c). Yêu cầu Bên Bán làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp Bên Mua tự thực hiện thủ tục này theo thỏa thuận tại Điểm i Khoản 5.2 Điều 5 của Hợp Đồng này;
- (d). Được toàn quyền sở hữu, sử dụng và thực hiện các giao dịch đối với Căn hộ đã mua theo quy định của pháp luật, đồng thời được sử dụng các dịch vụ hạ tầng do doanh nghiệp dịch vụ cung cấp trực tiếp hoặc thông qua Bên Bán sau khi nhận bàn giao Căn hộ theo quy định về sử dụng các dịch vụ hạ tầng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ;
- (e). Nhận Giấy chứng nhận sau khi đã hoàn tất toàn bộ các nghĩa vụ thanh toán tiền mua Căn hộ và các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến Căn hộ mua bán theo thỏa thuận trong Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật;
- (f). Yêu cầu Bên Bán hoàn thành việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo đúng nội dung, tiến độ dự án đã được phê duyệt;
- (g). Có quyền từ chối nhận bàn giao Căn hộ nếu Bên Bán không hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng phục vụ nhu cầu ở thiết yếu của Bên Mua theo đúng thỏa thuận tại Khoản 4.4 Điều 4 hoặc trong trường hợp diện tích sử dụng Căn hộ thực tế chênh lệch lớn hơn $\pm \dots\%$ (.. phần trăm) so với diện tích sử dụng Căn hộ ghi trong Hợp Đồng này. Việc từ chối nhận bàn giao căn hộ trong trường hợp này không bị coi là vi phạm các điều kiện bàn giao căn hộ của Bên mua đối với Bên bán;
- (h). Yêu cầu Bên Bán tổ chức Hội nghị Nhà chung cư lần đầu để thành lập Ban quản trị Nhà chung cư nơi có Căn hộ mua bán khi có đủ điều kiện thành lập Ban quản trị Nhà chung cư theo quy định của pháp luật;
- (i). Yêu cầu Bên Bán hỗ trợ thủ tục thế chấp Căn hộ đã mua tại tổ chức tín dụng trong trường hợp Bên

Mua có nhu cầu thế chấp Căn hộ tại tổ chức tín dụng;

- (j). Yêu cầu Bên bán nộp kinh phí bảo trì nhà chung cư theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng này.

6.2. Nghĩa vụ của Bên Mua:

- (a). Thanh toán đầy đủ, đúng hạn giá bán căn hộ và Kinh phí bảo trì phần sở hữu chung theo thỏa thuận tại Điều 3 và Phụ lục 02 của Hợp Đồng này và không phụ thuộc vào việc có hay không có thông báo thanh toán của Bên Bán;
- (b). Nhận bàn giao Căn hộ theo thỏa thuận trong Hợp Đồng này;
- (c). Kể từ ngày bàn giao Căn hộ, Bên Mua hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với Căn hộ đã mua, trừ các trường hợp thuộc trách nhiệm bảo hành Căn hộ của Bên Bán. Bên Mua chịu trách nhiệm về việc mua, duy trì các Hợp đồng bảo hiểm cần thiết đối với mọi rủi ro, thiệt hại liên quan đến Căn hộ và Phần sở hữu chung (Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, bảo hiểm trách nhiệm dân sự,...) theo quy định của pháp luật;
- (d). Kể từ ngày bàn giao Căn hộ, kể cả trường hợp Bên Mua chưa vào sử dụng Căn hộ thì Căn hộ sẽ được quản lý và bảo trì theo Nội quy quản lý, sử dụng Nhà chung cư và Bên Mua phải tuân thủ các quy định trong Nội quy quản lý, sử dụng Nhà chung cư và phải đóng Phí quản lý vận hành theo quy định;
- (e). Thanh toán các khoản thuế và lệ phí theo quy định của pháp luật mà Bên Mua phải nộp như thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp Đồng này và
- (f). Thanh toán các khoản chi phí dịch vụ như: điện, nước, truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh, thông tin liên lạc,...và các khoản thuế, phí khác phát sinh theo quy định do nhu cầu sử dụng của Bên Mua;
- (g). Thanh toán phí quản lý vận hành Nhà chung cư và các chi phí khác theo quy định tại Điều 11 và Phụ lục 02 của Hợp đồng này, kể cả trường hợp Bên mua không sử dụng căn hộ đã mua;
- (h). Tạo điều kiện thuận lợi cho Đơn vị quản lý trong việc bảo trì, quản lý vận hành Nhà chung cư;
- (i). Sử dụng Căn hộ đúng mục đích để ở theo quy định của Luật Nhà ở và theo thỏa thuận trong Hợp Đồng này;
- (j). Nộp phạt vi phạm Hợp Đồng và bồi thường thiệt hại cho Bên Bán khi vi phạm các thỏa thuận thuộc diện phải nộp phạt, bồi thường theo quy định trong Hợp Đồng này hoặc theo quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- (k). Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng Nhà chung cư;
- (l). Cam kết đáp ứng đủ điều kiện để ký kết Hợp Đồng này và đủ điều kiện để sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- (m). Bên Mua tự chịu trách nhiệm đối với các tranh chấp, khiếu kiện của Bên thứ ba bất kỳ đối với các hành vi của Bên Mua có liên quan đến việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng này cũng như trong quá trình Bên Mua sử dụng và định đoạt Căn hộ, trừ trường hợp do lỗi của Bên Bán;
- (n). Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này nếu các tranh chấp của Bên thứ ba đối với Bên Mua làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của Bên Bán thì Bên Mua và Bên thứ ba phải có trách nhiệm liên đới bồi thường các thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên Bán;
- (o). Cung cấp cho Bên Bán các tài liệu liên quan đến việc xin cấp Giấy chứng nhận cho Bên Mua phù hợp với quy định của pháp luật;
- (p). Nếu bản gốc Hợp Đồng, các Phụ lục, tài liệu thanh toán bị thất lạc, bị hỏng thì Bên Mua chỉ được Bên Bán cấp lại bản sao đối với những giấy tờ đó phù hợp với quy định của pháp luật để Bên Mua lưu giữ, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng. Nếu Bên Mua đưa ra thông tin không đúng thì Bên Mua tự chịu trách nhiệm trước các Cơ quan có thẩm quyền và những bên liên quan;

- (q). Không được điều chỉnh hay xây dựng, coi nới Căn hộ mà không có sự đồng ý từ Bên Bán và Đơn vị Quản lý;
- (r). Tuân thủ các quy định của Hợp Đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại từng thời điểm.

ĐIỀU 7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ LIÊN QUAN

- 7.1. Bên Mua phải thanh toán lệ phí trước bạ, các loại thuế, lệ phí và các loại phí khác theo quy định của pháp luật liên quan đến việc Bên Bán làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho Bên Mua và trong quá trình sở hữu, sử dụng Căn hộ kể từ thời điểm nhận bàn giao Căn hộ.
- 7.2. Bên Mua chịu mọi trách nhiệm nộp thuế và các loại lệ phí, chi phí (nếu có) theo quy định cho Nhà nước khi thực hiện bán Căn hộ đã mua cho người khác.
- 7.3. Bên Bán có trách nhiệm nộp các nghĩa vụ tài chính thuộc trách nhiệm của Bên Bán cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8. GIAO NHẬN CĂN HỘ

- 8.1. Thời hạn bàn giao Căn hộ
 - (a). Bên Bán dự kiến bàn giao Căn hộ cho Bên Mua trong vòng tháng kể từ ngày hai bên ký kết Hợp đồng này sau khi Bên Bán đáp ứng đủ điều kiện bàn giao Căn hộ ("*Ngày bàn giao dự kiến*").
 - (b). Thời gian bàn giao Căn hộ có thể được gia hạn nhưng tối đa không được chậm quá (.....) ngày kể từ sau ngày cuối cùng của Ngày bàn giao dự kiến Căn hộ cho Bên Mua không bao gồm thời gian tạm ngừng do Sự kiện bất khả kháng ("*Ngày bàn giao cam kết*"), trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Việc chậm bàn giao phải được Bên Bán lập thành văn bản và gửi đến Bên Mua trong đó quy định rõ thời gian cũng như lý do chậm bàn giao Căn hộ. Để tránh hiểu nhầm, thời gian gia hạn bàn giao Căn hộ quy định tại Điểm này không phải là trường hợp Bên Bán vi phạm Hợp Đồng và Bên Bán không bị áp dụng xử lý vi phạm, Bên Mua không được đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp Đồng này.

- (c). Các Bên thống nhất rằng, thời gian bàn giao Căn hộ có thể sớm hơn Ngày bàn giao dự kiến theo thông báo của Bên Bán.
- (d). Trước Ngày bàn giao Căn hộ (.....) ngày, Bên Bán phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Mua về thời gian, địa điểm và thủ tục bàn giao Căn hộ.

8.2. Điều kiện bàn giao Căn hộ

- (a). Trong vòng ... (.....) ngày kể từ ngày Bên Bán gửi thông báo bàn giao Căn hộ, Bên Mua phải thanh toán cho Bên Bán các khoản dưới đây:
 - (i). Thanh toán đủ 95% (*chín mươi lăm phần trăm*) giá bán Căn hộ và khoản thuế giá trị gia tăng tương ứng;
 - (ii). Thanh toán 100% (*một trăm phần trăm*) Kinh phí bảo trì phần sở hữu chung;
 - (iii). Lãi chậm thanh toán, tiền bồi thường thiệt hại mà Bên Mua chưa thanh toán cho Bên Bán theo Hợp Đồng này (nếu có);
 - (iv). Phí quản lý vận hành theo Điều 3 của Phụ Lục 02 Hợp Đồng này.
- (b). Bên Bán đã hoàn thành xong việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo tiến độ ghi trong dự án đã được phê duyệt, bảo đảm kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực, diện tích sử dụng Căn hộ thực tế chênh lệch không lớn hơn% (.....phần trăm) so với diện tích sử dụng Căn hộ ghi trong Hợp Đồng này trừ trường hợp quy định tại Điểm e Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp Đồng.
- (c). Căn hộ được bàn giao cho Bên Mua phải đúng theo thiết kế đã được duyệt; phải sử dụng đúng các thiết bị, vật liệu quy định tại Danh sách vật liệu Căn hộ mà Các Bên đã thỏa thuận theo Hợp Đồng,

trừ trường hợp tại Điểm d Khoản 5.1 Điều 5 của Hợp Đồng.

- 8.3. Vào ngày bàn giao Căn hộ theo thông báo, Bên Mua hoặc người được ủy quyền hợp pháp phải đến kiểm tra tình trạng thực tế của Căn hộ, Các Bên sẽ thực hiện đo đạc Diện tích sử dụng Căn hộ để xác định Giá bán Căn hộ điều chỉnh (nếu có) theo quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 Hợp Đồng này và ký vào Biên bản bàn giao Căn hộ. Các Bên có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần chênh lệch cho nhau trong vòng ... (...) ngày kể từ ngày ký Biên bản bàn giao. Quá thời hạn trên, nếu Các Bên không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì sẽ bị tính lãi suất ...%/ngày/số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian trì hoãn. Trong trường hợp Bên Mua không nhất trí về việc đo đạc, thì Bên Bán sẽ đề nghị một đơn vị độc lập thực hiện đo đạc lại trong vòng ... (...) ngày với chi phí do Bên Mua chịu.
- 8.4. Trường hợp Bên Mua hoặc người được Bên Mua ủy quyền hợp pháp không đến nhận bàn giao Căn hộ theo thông báo của Bên Bán trong thời hạn ... (...) ngày kể từ ngày đến hạn hoặc đến kiểm tra nhưng không ký Biên bản nhận bàn giao Căn hộ mà không có lý do chính đáng (trừ trường hợp thuộc diện thỏa thuận tại Điểm g Khoản 6.1 Điều 6 của Hợp Đồng này) thì kể từ ngày đến hạn bàn giao Căn hộ theo thông báo của Bên Bán được xem như Bên Mua đã đồng ý rằng: Bên Bán đã thực hiện xong trách nhiệm bàn giao Căn hộ theo Hợp Đồng. Việc không tiếp nhận hoặc từ chối nhận bàn giao Căn hộ không đúng sẽ được xác định là Bên Mua vi phạm Hợp Đồng và sẽ được xử lý theo quy định tại Điểm b Khoản 15.1 Điều 15 của Hợp Đồng này.
- 8.5. Nếu Bên Mua phát hiện Căn Hộ có một hoặc một số vật tư, trang thiết bị có khiếm khuyết, sai sót so với mô tả tại Hợp Đồng, Bên Mua có quyền ghi rõ các yêu cầu sửa chữa, khắc phục những điểm không phù hợp vào Biên bản bàn giao Căn hộ. Mọi khiếm khuyết, nếu có, sẽ được Bên Bán sửa chữa theo quy định và không phải là cơ sở để Bên Mua từ chối việc nhận bàn giao Căn hộ, trừ trường hợp các khiếm khuyết, sai sót ảnh hưởng nghiêm trọng dẫn đến hậu quả Bên Mua không thể sử dụng được Căn hộ. Bên Bán có trách nhiệm khắc phục các khiếm khuyết, sai sót này trong thời hạn ... (...) ngày kể từ ngày ký Biên bản bàn giao Căn hộ.
- Trường hợp Bên Bán không đồng ý với các yêu cầu sửa chữa, khắc phục của Bên Mua, Bên Bán phải có văn bản phản hồi thông báo về việc không đồng ý và phải có các căn cứ kèm theo. Trong thời hạn ... (...) ngày kể từ ngày Bên Bán ra thông báo, Bên Mua phải gửi phản hồi bằng văn bản kèm theo căn cứ, chứng cứ tới Bên Bán nêu rõ các cơ sở để yêu cầu sửa chữa và Các Bên cùng xem xét, khắc phục.
- 8.6. Kể từ thời điểm hai bên ký biên bản bàn giao căn hộ, Bên Mua được toàn quyền sử dụng căn hộ và chịu mọi trách nhiệm có liên quan đến căn hộ mua, kể cả trường hợp Bên Mua có sử dụng hay chưa sử dụng căn hộ này.
- 8.7. Việc bàn giao Căn hộ cho Bên Mua theo Điều này không được hiểu là việc chuyển giao quyền sở hữu Căn hộ từ Bên Bán sang Bên Mua, trừ trường hợp Bên Mua đã hoàn tất thanh toán Giá bán Căn hộ và các nghĩa vụ khác quy định theo Hợp Đồng.

ĐIỀU 9. BẢO HÀNH NHÀ Ở

- 9.1. Bên bán có trách nhiệm bảo hành căn hộ đã bán theo đúng quy định tại Điều 20 của Luật Kinh doanh bất động sản, Điều 85 của Luật Nhà ở và các quy định sửa đổi, bổ sung của Nhà nước vào từng thời điểm.

Thời gian bảo hành là 60 (sáu mươi) tháng.

Thời gian bảo hành được tính từ ngày Bên Bán ký Biên bản nghiệm thu đưa tòa nhà vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Khi bàn giao Căn hộ cho Bên Mua, Bên Bán phải thông báo và cung cấp cho Bên Mua 01 (một) bản sao Biên bản nghiệm thu trên theo quy định của pháp luật xây dựng để các bên xác định thời điểm bảo hành nhà ở.

- 9.2. Nội dung bảo hành nhà ở bao gồm sửa chữa, khắc phục các hư hỏng khung, cột, dầm, sàn, tường, trần, mái, sân thượng, cầu thang bộ, các phần ốp, lát, trát, hệ thống cung cấp chất đốt, hệ thống cấp điện sinh hoạt, cấp điện chiếu sáng, bể nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt, bể phốt và hệ thống

thoát nước thải, chất thải sinh hoạt, khắc phục các trường hợp nghiêng, lún, nứt, sụt nhà ở. Đối với các thiết bị khác gắn với nhà ở có bảo hành của Nhà sản xuất, Nhà phân phối thì Bên Bán thực hiện bảo hành sửa chữa, thay thế theo thời hạn quy định của Nhà sản xuất, Nhà phân phối. Bên Bán có trách nhiệm thực hiện bảo hành bằng cách thay thế hoặc sửa chữa các điểm bị khuyết tật hoặc thay thế các đồ vật cùng loại có chất lượng tương đương. Việc bảo hành bằng cách thay thế hoặc sửa chữa chỉ do Bên Bán hoặc Bên được Bên Bán ủy quyền thực hiện.

- 9.3. Bên Mua phải thông báo bằng văn bản cho Bên Bán chậm nhất ... (...) ngày kể từ ngày phát hiện Căn hộ có các hư hỏng thuộc diện được bảo hành và thực hiện mọi nỗ lực cần thiết để hạn chế tối đa hậu quả của khiếm khuyết, hư hỏng đó. Trong thời hạn ... (...) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên Mua, Bên Bán có trách nhiệm thực hiện bảo hành các hư hỏng theo đúng thỏa thuận và theo quy định của pháp luật. Bên Mua phải tạo điều kiện để Bên Bán thực hiện bảo hành nhà ở.

Nếu Bên Bán chậm thực hiện việc bảo hành mà gây thiệt hại cho Bên Mua thì phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên Mua theo thiệt hại thực tế xảy ra. Khi thực hiện việc bảo hành, Ban quản trị và Bên Bán hay những công ty chuyên nghiệp do Ban quản trị hoặc Bên Bán chỉ định phải hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực tới sinh hoạt, sức khỏe, tài sản của Bên Mua hoặc Cư dân khác. Nếu gây thiệt hại, thì Ban quản trị, Bên Bán và công ty dịch vụ đó có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại.

- 9.4. Nếu Bên Mua chậm thông báo quá... (...) ngày kể từ ngày phát hiện Căn hộ có các hư hỏng thuộc diện được bảo hành cho Bên Bán hoặc không cho phép Ban quản trị và nhân viên của Bên Bán hay những công ty dịch vụ do Ban quản trị hoặc Bên Bán chỉ định vào Căn hộ hoặc không cho phép họ đưa vào Căn hộ những máy móc, trang thiết bị cần thiết để thực hiện việc bảo hành theo yêu cầu thì Bên Mua sẽ phải bồi thường cho các thiệt hại phát sinh từ lỗi chậm thông báo hoặc cản trở việc bảo hành.

- 9.5. Bên Bán không thực hiện bảo hành Căn hộ trong các trường hợp sau đây:

- (a). Trường hợp hao mòn và khấu hao thông thường;
- (b). Trường hợp hư hỏng do lỗi của Bên Mua hoặc của bất kỳ người sử dụng hoặc của Bên thứ ba nào khác gây ra;
- (c). Trường hợp hư hỏng do Sự kiện bất khả kháng;
- (d). Trường hợp đã hết thời hạn bảo hành theo thỏa thuận tại Khoản 9.1 Điều 9 này;
- (e). Các trường hợp không thuộc nội dung bảo hành theo thỏa thuận tại Khoản 9.2 Điều 9 này, bao gồm cả những thiết bị, bộ phận gắn liền Căn hộ do Bên Mua tự lắp đặt hoặc tự sửa chữa mà không được sự đồng ý của Bên Bán.

- 9.6. Sau thời hạn bảo hành theo thỏa thuận tại Khoản 9.1 Điều này, việc sửa chữa các hư hỏng của Căn hộ thuộc trách nhiệm của Bên Mua. Việc bảo trì phần sở hữu chung trong Nhà chung cư được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở.

ĐIỀU 10. CHUYỂN GIAO QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

- 10.1. Trường hợp Bên Mua có nhu cầu thế chấp Căn hộ đã mua cho Tổ chức tín dụng đang hoạt động tại Việt Nam trước khi Bên Mua được cấp Giấy chứng nhận thì Bên Mua phải thông báo trước bằng văn bản để Bên Bán cùng Bên Mua làm các thủ tục cần thiết theo quy định của Tổ chức tín dụng. Việc tổ chức tín dụng chấp thuận hoặc từ chối cho Bên Mua vay là do tổ chức tín dụng tự quyết định phù hợp với quy định pháp luật và Bên Bán không chịu trách nhiệm đối với quyết định của tổ chức tín dụng liên quan giao dịch thế chấp này.

- 10.2. Trong trường hợp Bên Mua có nhu cầu thực hiện chuyển nhượng Hợp Đồng này cho Bên thứ ba thì Các Bên phải thực hiện đúng thủ tục chuyển nhượng Hợp Đồng theo quy định của pháp luật về nhà ở và Bên Mua chỉ được chuyển nhượng Hợp Đồng khi Bên Bán chưa nộp hồ sơ đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đối với Căn hộ. Bên Bán không được thu thêm bất kỳ một khoản phí chuyển nhượng nào khi làm thủ tục xác nhận việc chuyển nhượng Hợp Đồng cho Bên Mua.

- 10.3. Hai Bên thống nhất rằng, Bên Mua chỉ được chuyển nhượng Hợp Đồng Mua Bán Căn Hộ cho Bên thứ ba khi có đủ các điều kiện sau đây:
- (a). Căn hộ mua bán không đang trong tình trạng thế chấp tại tổ chức tín dụng hoặc không thuộc diện bị hạn chế chuyển nhượng theo quyết định của Cơ quan nhà nước hoặc không có tranh chấp với Bên thứ ba, trừ trường hợp được Tổ chức tín dụng thế chấp đồng ý bằng văn bản để Bên Mua chuyển nhượng Hợp Đồng cho Bên thứ ba;
 - (b). Bên Mua đã hoàn thành việc thanh toán các nghĩa vụ đến hạn liên quan đến Căn hộ đã mua đúng theo tiến độ thanh toán quy định tại Phụ lục 02 cho Bên Bán và các khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại (nếu có) theo thỏa thuận trong Hợp Đồng này;
 - (c). Bên nhận chuyển nhượng Hợp Đồng phải đủ điều kiện được mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam, đủ điều kiện nhận chuyển nhượng Hợp Đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm nhận chuyển nhượng Hợp Đồng;
 - (d). Bên nhận chuyển nhượng Hợp Đồng phải cam kết tuân thủ các thỏa thuận của Bên Bán và Bên Mua trong Hợp Đồng này.
- 10.4. Trong cả hai trường hợp quy định tại Khoản 10.1 và Khoản 10.2 Điều này, Bên nhận chuyển nhượng Hợp Đồng Mua Bán Căn hộ đều được hưởng các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ của Bên Mua theo thỏa thuận trong Hợp Đồng và trong Nội quy quản lý, sử dụng Nhà chung cư đính kèm theo Hợp Đồng này.
- 10.5. Mọi khoản tiền mà Bên Mua đã thanh toán cho Bên Bán tính đến thời điểm chuyển nhượng sẽ không được hoàn lại mà sẽ được kết chuyển cho Bên nhận chuyển nhượng. Theo đó mọi quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên Mua sẽ chuyển sang cho Bên nhận chuyển nhượng kể từ ngày Bên Bán ký xác nhận vào Văn bản chuyển nhượng Hợp Đồng Mua Bán Căn hộ.
- 10.6. Bên Bán sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản thuế, phí, lệ phí và các loại chi phí khác liên quan đến việc chuyển nhượng Hợp Đồng giữa Bên Mua và Bên nhận chuyển nhượng.

ĐIỀU 11. PHẦN SỞ HỮU RIÊNG, PHẦN SỞ HỮU CHUNG VÀ VIỆC SỬ DỤNG CĂN HỘ TRONG NHÀ CHUNG CƯ

- 11.1. Bên Mua được quyền sở hữu riêng đối với diện tích Căn hộ đã mua và hệ thống trang thiết bị kỹ thuật sử dụng riêng gắn liền với Căn hộ hoặc gắn liền với phần diện tích khác thuộc sở hữu riêng, phần diện tích khác trong Nhà chung cư được công nhận là sở hữu riêng cho chủ sở hữu Nhà chung cư, có quyền sở hữu, sử dụng đối với phần diện tích, thiết bị thuộc sở hữu chung trong nhà chung cư quy định tại khoản 11.3 Điều này.
- 11.2. Bên Bán có quyền sở hữu riêng đối với:
- (i). Các căn hộ khác mà Bên Bán chưa bán hoặc không bán;
 - (ii). Toàn bộ phần diện tích để xe ô tô và nơi để xe còn lại sau khi đã trừ phần diện tích để xe theo quy định tại Điểm b Khoản 11.3 Điều 11 này phù hợp với thiết kế được phê duyệt;
 - (iii). Phần diện tích được sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại, dịch vụ, khu nhà trẻ, phòng tập theo thiết kế được phê duyệt;
 - (iv). Hệ thống trang thiết bị sử dụng riêng (do Bên Bán tự đầu tư) gắn liền với các phần diện tích thuộc sở hữu riêng của Bên Bán như quy định trên. Đối với phần diện tích thuộc sở hữu riêng này, Bên Bán được quyền sử dụng và kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- 11.3. Các phần diện tích và thiết bị thuộc sở hữu chung, sử dụng chung của Dự Án bao gồm:
- (a). Phần diện tích còn lại của Nhà chung cư ngoài phần diện tích thuộc sở hữu riêng quy định tại Khoản 11.1 và Khoản 11.2 Điều này như: nhà sinh hoạt cộng đồng của Nhà chung cư, hồ bơi, khu sinh hoạt ngoài trời;
 - (b). Nơi để xe (xe đạp, xe máy, xe cho người tàn tật, xe động cơ hai bánh, xe động cơ ba bánh) cho các chủ sở hữu Nhà chung cư được bố trí tại nơi để xe theo quy định;

- (c). Không gian và hệ thống kết cấu chịu lực, trang thiết bị kỹ thuật dùng chung trong Nhà chung cư bao gồm khung, cột, tường chịu lực, tường bao ngôi nhà, tường phân chia các Căn hộ, sàn, mái, sân thượng, hành lang, cầu thang bộ, thang máy, đường thoát hiểm, ống xả rác, hộp kỹ thuật, hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, phát thanh, truyền hình, thoát nước, bể phốt, thu lôi, cứu hỏa và các phần khác không thuộc phần sở hữu riêng của chủ sở hữu Nhà chung cư;
- (d). Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài nhưng được kết nối với Nhà chung cư đó, trừ hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng vào mục đích công cộng hoặc thuộc diện phải bàn giao cho Nhà nước hoặc giao cho Chủ đầu tư quản lý theo nội dung dự án đã được phê duyệt;
- (e). Các công trình công cộng trong khu vực Nhà chung cư nhưng không thuộc diện đầu tư xây dựng để kinh doanh hoặc phải bàn giao cho Nhà nước theo nội dung dự án đã được duyệt bao gồm sân chung, vườn hoa, công viên và các công trình khác được xác định trong nội dung của dự án đầu tư xây dựng nhà ở được phê duyệt.

11.4. Phí quản lý vận hành Nhà chung cư

- (a). Phí quản lý vận hành Nhà chung cư khi chưa thành lập Ban quản trị Nhà chung cư, tổ chức Hội nghị Nhà chung cư được quy định tại Điều 3 Phụ lục 02 của Hợp Đồng này.
- (b). Sau khi Ban quản trị Nhà chung cư được thành lập thì danh mục các công việc, dịch vụ, mức phí và việc đóng Phí quản lý vận hành Nhà chung cư sẽ do Hội nghị Nhà chung cư quyết định và do Ban quản trị Nhà chung cư thỏa thuận với Đơn vị quản lý.
- (c). Phí quản lý vận hành Nhà chung cư được sử dụng để thực hiện các công việc, dịch vụ quản lý vận hành Nhà chung cư như: điều khiển và duy trì hoạt động của hệ thống trang thiết bị thuộc phần sở hữu chung hoặc sử dụng chung trong Nhà chung cư, bảo vệ, vệ sinh, thu gom rác thải, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, diệt côn trùng và các dịch vụ khác đảm bảo cho Nhà chung cư hoạt động bình thường. Cụ thể:
 - Chi phí sử dụng năng lượng, nguyên, nhiên, vật liệu và các chi phí khác (nếu có) để phục vụ công tác vận hành Nhà chung cư (bao gồm thang máy, máy bơm nước, máy phát điện dự phòng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống điện chiếu sáng công cộng và các trang thiết bị khác thuộc sở hữu chung của Nhà chung cư);
 - Chi phí nhân công điều khiển và duy trì hoạt động của hệ thống trang thiết bị Nhà chung cư (bao gồm thang máy, máy bơm nước, máy phát điện dự phòng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các trang thiết bị khác thuộc sở hữu chung của Nhà chung cư);
 - Chi phí cho các dịch vụ trong Nhà chung cư như bảo vệ, vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, chăm sóc cây cảnh, diệt côn trùng;
 - Chi phí văn phòng phẩm, bàn ghế, phòng làm việc, chi phí điện, nước sinh hoạt tại văn phòng và một số chi phí khác của Ban quản lý Nhà chung cư;
 - Thuế giá trị gia tăng: theo quy định hiện hành của nhà nước.

ĐIỀU 12. TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN VÀ VIỆC XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 12.1. Các Bên thống nhất hình thức xử lý vi phạm khi Bên Mua chậm trễ thanh toán tiền mua Căn hộ như sau:
- (a). Nếu quá ... (...) ngày kể từ ngày đến hạn phải thanh toán tiền mua Căn hộ theo quy định tại Phụ lục 02 mà Bên Mua không thanh toán, thanh toán không đầy đủ thì sẽ bị tính lãi suất phạt chậm thanh toán là...%/ngày/số tiền chậm thanh toán. Thời điểm tính lãi suất phạt chậm thanh toán được tính bắt đầu từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày Bên Mua hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Bên Bán.
 - (b). Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này, nếu tổng thời gian Bên Mua trễ hạn thanh toán của tất cả các đợt phải thanh toán theo quy định tại Phụ lục 02 vượt quá ... (...) ngày thì Bên Bán có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo thỏa thuận tại Điều 15.
- Trong trường hợp này, Bên Bán được quyền quyết định giao dịch hoặc bán Căn hộ cho người khác

mà không cần có sự đồng ý của Bên Mua. Bên Bán sẽ hoàn trả lại số tiền mà Bên Mua đã thanh toán (không tính lãi suất) sau khi đã khấu trừ:

- (i). Tiền phạt do Bên Mua vi phạm Hợp Đồng tương đương ...% (... phần trăm) Giá bán Căn hộ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng); và
- (ii). Tiền lãi chậm thanh toán, tiền bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên Bán (nếu có).

Toàn bộ số tiền sau khi xử lý sẽ được Bên Bán thanh toán cho Bên Mua trong thời hạn ... (...) ngày kể từ ngày Bên Mua và Bên Bán tiến hành các thủ tục thanh lý Hợp Đồng.

12.2. Hai Bên thống nhất hình thức xử lý vi phạm khi Bên Bán chậm trễ bàn giao Căn hộ cho Bên Mua như sau:

- (a). Nếu Bên Mua đã thanh toán tiền mua Căn hộ theo tiến độ thỏa thuận trong Hợp Đồng này hoặc đã khắc phục hoàn toàn vi phạm hợp đồng nhưng quá ngày đã được gia hạn phải bàn giao Căn hộ tại Điểm b Khoản 8.1 Điều 8 của Hợp Đồng này mà Bên Bán vẫn chưa thể bàn giao Căn hộ cho Bên Mua thì Bên Bán phải thanh toán cho Bên Mua khoản tiền lãi là ...%/ngày/trên tổng số tiền mà Bên Mua đã thanh toán cho Bên Bán (không bao gồm tiền lãi chậm thanh toán, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại của Bên Mua, nếu có), tính từ ngày phải bàn giao Căn hộ đã được gia hạn đến ngày bàn giao thực tế.
- (b). Nếu Bên Bán chậm bàn giao Căn hộ quá ... (...) ngày kể từ ngày đã được gia hạn quy định tại Điểm b Khoản 8.1 Điều 8, Bên Mua có quyền tiếp tục thực hiện Hợp Đồng với thỏa thuận bổ sung về thời điểm bàn giao Căn hộ mới và Bên Bán phải chịu lãi phạt chậm bàn giao Căn hộ tính từ ngày quá hạn ... (...) ngày quy định tại Điểm này hoặc Bên Mua có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp Đồng.

Trường hợp Bên Mua chấm dứt thực hiện Hợp Đồng theo quy định tại điểm này phải được thực hiện trước ngày Bên Bán gửi thông báo nhận bàn giao Căn hộ, Bên Bán phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Bên Mua đã thanh toán (không tính lãi, không bao gồm các khoản tiền lãi do Bên Mua chậm thanh toán, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có)) và trả cho Bên Mua khoản tiền phạt vi phạm Hợp Đồng là ...% (... phần trăm) Giá bán Căn hộ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Toàn bộ số tiền còn lại sau khi xử lý sẽ được Bên Bán thanh toán cho Bên Mua trong thời hạn ... (...) ngày kể từ ngày Bên Mua và Bên Bán tiến hành các thủ tục thanh lý Hợp Đồng.

12.3. Trường hợp Bên Bán đã hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho Bên Mua tại Cơ quan Nhà nước và đã gửi thông báo yêu cầu Bên Mua hoàn tất việc thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng này và các khoản phát sinh nếu có (tiền phạt chậm thanh toán, lệ phí trước bạ hoặc các khoản tiền khác mà theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm thanh toán của Bên Mua) mà Bên Mua không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng không đầy đủ hoặc số tiền Bên Bán phải chi trả trước cho Bên Mua khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận thì Bên Bán được quyền yêu cầu Bên Mua thanh toán tiền phạt do trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ với mức lãi suất ...%/ngày/số tiền phải thanh toán tương ứng với thời gian trì hoãn. Số tiền này Bên Mua phải thanh toán cho Bên Bán trước khi yêu cầu Bên Bán bàn giao Giấy chứng nhận.

12.4. Trường hợp đến hạn bàn giao Căn hộ theo thông báo của Bên Bán và căn hộ đã đủ điều kiện bàn giao mà Bên Mua chậm nhận bàn giao thì Bên Mua sẽ phải thanh toán cho Bên Bán là ... đồng (... đồng) cho mỗi ngày Bên Mua chậm nhận bàn giao Căn hộ được tính từ ngày quá hạn bàn giao được ấn định trong thông báo của Bên Bán cho đến ngày thực tế Bên Mua nhận Căn hộ, trừ trường hợp Bên Bán áp dụng việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục ii Điểm b Khoản 15.1 Điều 15 Hợp Đồng này.

12.5. Trường hợp đến hạn bàn giao Căn hộ theo thông báo của Bên Bán và căn hộ đã đủ điều kiện bàn giao theo thỏa thuận trong Hợp đồng này mà Bên Mua không nhận bàn giao thì xử lý theo quy định tại khoản 8.4 Điều 8 Hợp đồng này.

ĐIỀU 13. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

13.1. Bên Bán cam kết

- (a). Căn hộ nêu tại Điều 2 của hợp đồng này không thuộc diện đã bán cho người khác, không thuộc diện bị cấm bán theo quy định của pháp luật;
- (b). Căn hộ nêu tại Điều 2 của hợp đồng này được xây dựng theo đúng quy hoạch, đúng thiết kế và các bản vẽ được duyệt đã cung cấp cho Bên Mua, bảo đảm chất lượng và đúng các vật liệu xây dựng theo thỏa thuận trong Hợp Đồng này.

13.2. Bên Mua cam kết

- (a). Đã tìm hiểu, xem xét kỹ thông tin về Căn hộ mua;
- (b). Đã được Bên Bán cung cấp bản sao các giấy tờ, tài liệu và thông tin cần thiết liên quan đến Căn hộ, Bên Mua đã đọc cẩn thận và hiểu các quy định của Hợp Đồng này cũng như các phụ lục đính kèm. Bên Mua đã tìm hiểu mọi vấn đề mà Bên Mua cho là cần thiết để kiểm tra mức độ chính xác của các giấy tờ, tài liệu và thông tin đó;
- (c). Số tiền mua Căn hộ theo Hợp Đồng này là hợp pháp, không có tranh chấp với Bên thứ ba. Bên Bán sẽ không chịu trách nhiệm đối với việc tranh chấp khoản tiền mà Bên Mua đã thanh toán cho Bên Bán theo Hợp Đồng này. Trong trường hợp có tranh chấp về khoản tiền mua bán Căn hộ này thì Hợp Đồng vẫn có hiệu lực đối với Hai Bên;
- (d). Cung cấp các giấy tờ cần thiết khi Bên Bán yêu cầu theo quy định của pháp luật để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho Bên Mua;
- (e). Có đầy đủ năng lực theo quy định pháp luật và thuộc đối tượng được phép sở hữu nhà ở, đối tượng được phép cấp Giấy chứng nhận đối với Căn hộ mua; không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện nào có thể làm cản trở thực hiện hay dẫn đến vô hiệu một phần hoặc toàn bộ Hợp Đồng này.

13.3. Việc ký kết Hợp Đồng này giữa Các Bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối.

13.4. Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, Khoản, Điểm trong Hợp Đồng bị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, Khoản, Điểm khác của Hợp Đồng vẫn có hiệu lực thi hành đối với Các Bên. Các Bên sẽ thống nhất sửa đổi các Điều, Khoản, Điểm bị tuyên vô hiệu hoặc không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định của pháp luật và phù hợp với hoàn cảnh, ý chí của Các Bên.

13.5. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận đã quy định trong Hợp Đồng này.

ĐIỀU 14. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

14.1. Các Bên nhất trí rằng Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm các trường hợp sau đây:

- (a). Do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước;
- (b). Do phải thực hiện quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do sự chậm trễ của Cơ quan nhà nước mà không do lỗi của Các Bên;
- (c). Các trường hợp khác bao gồm nhưng không giới hạn: các tai họa thiên nhiên như động đất, phong tỏa hoặc cấm vận, chiếm đóng, nội chiến, nổi loạn, phá hoại, hay rối loạn xã hội, đình công (không do lỗi của Bên Bán) hoặc bất kỳ việc công bố, ban hành, thay đổi văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, văn bản khác, hành vi hành chính của Cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền trong các Cơ quan có thẩm quyền (mà một hoặc Các Bên không có lỗi);
- (d). Do tai nạn, ốm đau thuộc diện phải đi cấp cứu tại cơ sở y tế;
- (e). Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

14.2. Mọi trường hợp khó khăn về tài chính đơn thuần sẽ không được coi là Sự kiện bất khả kháng.

14.3. Khi xuất hiện một trong các Sự kiện bất khả kháng theo thỏa thuận tại Khoản 14.1 Điều này thì bên bị tác động bởi Sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trực tiếp cho bên còn lại biết trong thời hạn ... (...) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp bất khả kháng. Việc

bên bị tác động bởi Sự kiện bất khả kháng không thực hiện được nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp Đồng và cũng không phải là cơ sở để bên còn lại có quyền chấm dứt Hợp Đồng này. Tuy nhiên Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng vẫn phải thực hiện nội dung Hợp Đồng trong phạm vi các nghĩa vụ không bị ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng và phải áp dụng các biện pháp cần thiết, hữu hiệu để giảm thiểu tổn thất hoặc khắc phục ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng trong thời gian ngắn nhất.

- 14.4. Việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng của Các Bên sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Sự kiện bất khả kháng. Các Bên sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sau khi Sự kiện bất khả kháng chấm dứt, trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 15.1 Điều 15 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 15: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 15.1. Hợp Đồng này được chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- (a). Các Bên đồng ý chấm dứt Hợp Đồng và lập văn bản thỏa thuận cụ thể các điều kiện và thời hạn chấm dứt Hợp Đồng;
- (b). Bên Bán đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trong các trường hợp sau:
 - (i). Bên Mua chậm thanh toán theo quy định tại Điểm b Khoản 12.1 Hợp Đồng này;
 - (ii). Bên Mua không nhận bàn giao Căn hộ theo quy định tại Khoản 8.4 Điều 8 Hợp Đồng này.
- (c). Bên Mua đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điểm b Khoản 12.2 Điều 12 của Hợp Đồng này và phải gửi văn bản thông báo qua bưu điện/công ty dịch vụ đến Bên Bán trước ngày Bên Bán gửi thông báo nhận bàn giao Căn hộ quy định tại Điểm b Khoản 8.1 Điều 8 Hợp đồng này.
- (d). Trong trường hợp bên bị tác động bởi Sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục được để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời hạn ... (...) ngày, kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng và Các Bên cũng không có thỏa thuận khác thì một trong Các Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này và việc chấm dứt Hợp Đồng này không được coi là vi phạm Hợp Đồng.

- 15.2. Việc xử lý hậu quả do chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại khoản 15.1 Điều này như sau:

- (a). Trong trường hợp chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 15.1 Điều này, Các Bên thỏa thuận về việc xử lý tiền mua Căn hộ và các vấn đề phát sinh (nếu có) trên tinh thần tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.
- (b). Trong trường hợp chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điểm b Khoản 15.1 Điều này thì sẽ thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 12.1 Điều 12 của Hợp Đồng.
- (c). Trong trường hợp chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điểm d Khoản 15.1 Điều này, Các Bên sẽ thương lượng việc xử lý hậu quả do chấm dứt Hợp Đồng trên tinh thần hài hòa lợi ích và hoàn cảnh của Các Bên.

- 15.3. Việc đơn phương chấm dứt Hợp Đồng của Các Bên phải thực hiện bằng văn bản.

ĐIỀU 16. THÔNG BÁO

- 16.1. Địa chỉ liên hệ, email, số điện thoại để Các Bên nhận thông báo của bên kia được quy định tại phần đầu của Hợp Đồng.
- 16.2. Trường hợp Bên Mua có từ 02 (hai) người trở lên, mọi dẫn chiếu đến Bên Mua trong Hợp Đồng này có nghĩa là dẫn chiếu đến từng người của Bên Mua. Để thuận tiện, những người thuộc Bên Mua tại đây đồng ý cho người được quy định tên đầu tiên thuộc Bên Mua là người đại diện theo ủy quyền để nhận các thông báo, yêu cầu khiếu nại hoặc thư từ giao dịch với Bên Bán liên quan đến Hợp Đồng này.
- 16.3. Hình thức thông báo giữa Các Bên: Email, SMS, thư, nội dung văn bản làm việc trực tiếp. Các Bên thống nhất rằng, các thông báo từ Bên Bán bằng email được gửi từ địa chỉ email của Bên Bán được thể hiện tại thỏa thuận này có giá trị như gửi bằng văn bản.
- 16.4. Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại phát sinh liên quan đến Hợp Đồng này phải được

lập thành văn bản. Các Bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, khiếu nại được coi là đã nhận nếu gửi đến đúng địa chỉ, đúng tên người nhận thông báo, đúng hình thức thông báo theo thỏa thuận tại Điều này và trong thời gian như sau:

- (a). Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay và có chữ ký của người nhận thông báo;
- (b). Vào ngày thứ 03 (ba), kể từ ngày đóng dấu bưu điện, công ty dịch vụ trong trường hợp gửi thông báo bằng thư chuyển phát nhanh;
- (c). Vào ngày gửi trong trường hợp thông báo qua email và có xác nhận về việc gửi thành công;
- (d). Vào ngày gửi tin nhắn điện thoại SMS trong trường hợp thông báo qua tin nhắn điện thoại SMS và có xác nhận về việc gửi thành công.

16.5. Bên Bán không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào khi Bên Mua không nhận được thông báo bằng tin nhắn thư/SMS/Email từ Bên Bán ngay cả khi xảy ra sự cố do nguyên nhân kỹ thuật thuộc trang bị của Bên Mua hoặc Bên Mua có thay đổi số điện thoại di động, địa chỉ email, địa chỉ liên hệ mà không thông báo thay đổi bằng văn bản có xác nhận của Bên Bán.

ĐIỀU 17. CÁC THỎA THUẬN KHÁC

17.1. Bên Mua đồng ý ký kết Hợp đồng này sau khi đã tìm hiểu kỹ và biết rõ về Dự Án, tình trạng pháp lý Dự Án, tiến độ thực hiện Dự Án, xem xét kỹ thông tin về Căn hộ, tình trạng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hình thành trong tương lai mà không yêu cầu Bên Bán phải thực hiện thêm bất kỳ thủ tục pháp lý nào khi ký Hợp đồng.

17.2. Mặc dù Hợp Đồng này có thể ghi nhận gồm 02 (hai) người hoặc nhiều người cùng đứng tên Bên Mua nhưng Bên Bán sẽ coi đây là quyền và nghĩa vụ chung hợp nhất không phân chia của Bên Mua. Tất cả mọi người đều có nghĩa vụ thực hiện những cam kết, thỏa thuận trong Hợp Đồng này. Khi có một hoặc một số trong những người đứng tên trên Hợp Đồng này không hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ thì những người khác còn lại có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trong Hợp Đồng kể cả khi chỉ còn một người duy nhất.

17.3. Tất cả các quyền, lợi ích, nhiệm vụ, trách nhiệm và nghĩa vụ của Các Bên trong Hợp Đồng này sẽ là quyền, lợi ích, nhiệm vụ, trách nhiệm và nghĩa vụ ràng buộc đối với Các Bên kể nhiệm và Các Bên nhận chuyển nhượng được phép tương ứng. Trong trường hợp Bên Mua chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, (những) người thừa kế của Bên Mua được kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên Mua theo Hợp Đồng này theo quy định của pháp luật.

17.4. Giá bán Căn hộ đã có thuế giá trị gia tăng, giá trị quyền sử dụng đất quy định tại Phụ lục 02 Hợp Đồng này là giá tạm tính. Trường hợp khi quyết toán công trình theo quy định pháp luật, giá trị quyền sử dụng đất có thay đổi so với giá tạm tính ban đầu. Các Bên thống nhất rằng, Bên Bán có thể được điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất trong Hợp Đồng và hóa đơn giá trị gia tăng (nếu có) theo quy định pháp luật. Việc điều chỉnh giá trị gia tăng từ xác định quyền sử dụng đất này không thay đổi Giá bán Căn hộ hay bất cứ quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác theo Hợp Đồng này trừ trường hợp được điều chỉnh giá bán quy định tại Khoản 2.1 Điều 2. Sau khi điều chỉnh, Bên Bán có nghĩa vụ thông báo cho Bên Mua theo quy định về thông báo tại Điều 16 của Hợp Đồng này.

17.5. Trường hợp có sai sót trong việc nhập thông tin, số liệu trong quá trình làm Hợp đồng mà một trong hai Bên chứng minh được thông tin, số liệu đó là sai theo các điều khoản điều kiện của Hợp đồng, các phụ lục, các văn bản thỏa thuận liên quan mà Các Bên đã ký kết, thống nhất trên thực tế thì Bên kia phải chấp nhận các số liệu, thông tin điều chỉnh.

17.6. Các Bên thống nhất rằng, sổ nhà chính thức cấp cho Căn hộ được ghi trên Quyết định cấp sổ nhà và Giấy chứng nhận của Căn hộ sẽ do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm. Trường hợp nếu sổ nhà chính thức cấp cho Căn hộ không đồng nhất với mã Căn hộ và số tầng có Căn hộ thỏa thuận tại Hợp đồng này thì Bên Bán không bị xem là vi phạm Hợp đồng và không phải chịu bất kỳ khoản phạt, bồi thường nào liên quan.

ĐIỀU 18. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp Các Bên có tranh chấp về các nội dung của Hợp Đồng này thì Các Bên cùng bàn bạc

giải quyết thông qua thương lượng. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày một trong Các Bên thông báo bằng văn bản cho bên kia về tranh chấp phát sinh mà tranh chấp đó không được thương lượng giải quyết thì một trong Các Bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 19. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 19.1. Trong trường hợp Các Bên thỏa thuận thay đổi nội dung của Hợp Đồng này thì phải lập bằng văn bản có xác nhận của cả Các Bên. Các phụ lục đính kèm Hợp Đồng này và các sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận của Các Bên là nội dung không tách rời Hợp Đồng này và có hiệu lực thi hành đối với Các Bên kể từ thời điểm ký kết.
- 19.2. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 19.3. Hợp Đồng này có 19 điều, được lập thành 04 (bốn) bản và có giá trị pháp lý như nhau, Bên Mua giữ 01 (một) bản, Bên Bán giữ 03 (ba) bản để lưu trữ, làm thủ tục nộp thuế, phí, lệ phí và thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho Bên mua.
- 19.4. Trong trường hợp Bên Mua là cá nhân/tổ chức nước ngoài thì Hợp đồng sẽ được lập song ngữ Việt - Anh. Tuy nhiên trong trường hợp có sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Các Bên đã đọc, hiểu rõ nội dung và cùng ký tên dưới đây.²

BÊN BÁN
GIÁM ĐỐC

BÊN MUA

BÙI NGUYỄN PHONG

² Tất cả các thông tin để trống trong bộ hợp đồng được điền cụ thể theo thỏa thuận của hai bên khi ký kết Hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC VẬT TƯ, THIẾT BỊ CUNG CẤP CHO CĂN HỘ

(Đính kèm Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư sốngày)

STT	HẠNG MỤC	MÔ TẢ	THƯƠNG HIỆU
TRANG TRÍ NỘI THẤT			
1	Sơn trong nhà		
2	Sàn phòng khách, phòng bếp		
3	Sàn lô gia, WC, giặt phơi		
4	Sàn phòng ngủ		
5	Tường WC		
6	Trần phòng ngủ, phòng khách, phòng bếp		
7	Trần phòng vệ sinh		
8	Cửa chính căn hộ		
9	Khóa điện tử		
10	Mắt thần 200 độ		
11	Cửa phòng ngủ căn hộ		
12	Cửa sổ phòng ngủ		
13	Tay nắm cửa phòng ngủ		
14	Cửa phòng vệ sinh		
15	Tay nắm cửa WC		
16	Cửa lô gia		
17	Cửa phòng giặt phơi		
18	Tường bếp		
19	Tủ bếp dưới		
20	Chậu rửa		
21	Vòi rửa chén		
22	Bếp điện		
23	Mặt bếp		
24	Lavabo		
25	Vòi rửa Lavabo		
26	Bàn cầu và vòi xịt		
27	Vòi sen tắm		

28	Gương soi		
29	Lô giấy vệ sinh		
30	Thanh treo khăn		
31	Vách kính phòng tắm đứng		
32	Quạt hút		
33	Bàn đá Lavobo nhà vệ sinh		
34	Thiết bị đèn		
35	Công tắc, ổ cắm		
36	Thiết bị đóng ngắt điện/tủ điện căn hộ		
37	Ống ga máy lạnh		
38	Ống nước ngưng máy lạnh		
39	Hệ thống báo cháy		
40	Hệ thống chữa cháy		
41	Ổ cắm ti vi		
42	Cáp tivi (từ hộp chia trong căn hộ đến ổ cắm)		
43	Hệ thống internet		
44	Video call		
HỆ THỐNG KHÁC			
45	Thang máy		
46	Máy phát điện		

Ghi chú: Trong trường hợp Hãng/Thương hiệu trên không còn sản xuất, phân phối hoặc khó cung cấp số lượng lớn trên thị trường thì Bên Bán sẽ thay thế bằng Hãng/Thương hiệu tương đương hoặc tốt hơn.

BÊN BÁN
GIÁM ĐỐC

BÊN MUA

BÙI NGUYỄN PHONG

PHỤ LỤC 02
GIÁ BÁN CĂN HỘ VÀ TIỀN ĐỘ THANH TOÁN

(Đính kèm Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số ngày)

ĐIỀU 1: GIÁ BÁN CĂN HỘ VÀ KINH PHÍ BẢO TRÌ

1.1. Giá bán Căn hộ

- Giá bán Căn hộ là: đồng
(Bằng chữ:).
- Giá bán Căn hộ quy định trên được tính theo công thức lấy đơn giá trên 01 m² Diện tích sử dụng Căn hộ (tạm tính, đã có VAT) nhân (x) với tổng Diện tích sử dụng Căn hộ. Cụ thể là:
Giá bán căn hộ = đồng/m² (x) m² = đồng.
Bao gồm:
 - (i) Giá bán (đã bao gồm giá trị quyền sử dụng đất nhưng không bao gồm thuế giá trị gia tăng và Kinh phí bảo trì): đồng
(Bằng chữ:);
 - (ii) Thuế giá trị gia tăng tạm tính: đồng
(Bằng chữ:).Thuế giá trị gia tăng có thể thay đổi theo Quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.2. Kinh phí bảo trì

- Tại thời điểm ký Hợp Đồng này, Kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của Nhà chung cư bằng 2% Giá bán Căn hộ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là đồng
(Bằng chữ:)
- Kinh phí bảo trì phần sở hữu chung quy định trên chỉ là tạm tính và có thể thay đổi nếu Diện tích sử dụng Căn hộ thực tế tại Biên bản bàn giao Căn hộ có sự chênh lệch so với Diện tích sử dụng Căn hộ được quy định tại Điều 2 Hợp Đồng này. Trong trường hợp pháp luật có thay đổi và Nhà nước yêu cầu nộp thuế giá trị gia tăng cho phần kinh phí bảo trì này thì Bên Mua chịu trách nhiệm đối với các thay đổi phát sinh và thanh toán tiền thuế này (nếu có).
- Thời hạn thanh toán kinh phí bảo trì phần sở hữu chung 2%: Bên Mua có trách nhiệm thanh toán cho Bên Bán trong vòng ngày kể từ ngày Bên Bán gửi Thông báo bàn giao Căn hộ.
- Trường hợp Kinh phí bảo trì Phần sở hữu chung không đủ để thực hiện bảo trì thì Bên Mua có nghĩa vụ đóng góp thêm kinh phí bảo trì tương ứng với phần diện tích thuộc sở hữu riêng (Diện tích sử dụng Căn hộ) của Bên Mua theo quy định của pháp luật.
- Việc bàn giao kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư được các bên thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

ĐIỀU 2: TIỀN ĐỘ THANH TOÁN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 2.1. Bên Mua thanh toán Giá bán Căn hộ cho Bên Bán theo các đợt với số tiền tương ứng tiến độ công việc theo quy định cụ thể như sau³:**

³ Nội dung cụ thể do hai bên thỏa thuận điền khi ký kết hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, trong đó, lần đầu không quá 30% giá trị hợp đồng, những lần tiếp theo phải phù hợp với tiến độ xây dựng công trình nhưng tổng số không vượt quá 70% giá trị hợp đồng khi chưa bàn giao căn hộ cho khách hàng; khi chưa được cấp giấy chứng nhận thì không được thu quá 95% giá trị hợp đồng.

Đ Ợ T	THỜI HẠN THANH TOÁN	TIỀN ĐỘ CÔNG VIỆC	TỶ LỆ (%) GIÁ BÁN	SỐ TIỀN THANH TOÁN (Đã bao gồm VAT)
1	Ký Hợp Đồng Mua Bán		15%	
2	Trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày ký HĐMB		5%	
3	Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày phải thanh toán Đợt 2	Dự kiến xong đồ sàn tầng 26	10%	
4	Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày phải thanh toán Đợt 3		10%	
5	Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày phải thanh toán Đợt 4		10%	
6	Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày phải thanh toán Đợt 5	Dự kiến xong đồ sàn tầng 36	10%	
7	Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày phải thanh toán Đợt 6	Dự kiến cất nóc	10%	
8	Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ khi có thông báo bàn giao căn hộ	Bàn giao căn hộ	25%	
9	Khi Chủ Đầu Tư thông báo nhận giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu căn hộ		5%	
Tổng cộng			100%	

2.2. Trước ngày đến hạn của mỗi đợt thanh toán trên, Bên Bán có thể sẽ gửi thông báo cho Bên Mua về số tiền và thời hạn thanh toán của đợt thanh toán đó. Thông báo được chuyển đến Bên Mua bằng phương thức theo quy định của Hợp Đồng. Tuy nhiên, trường hợp Bên Bán chậm gửi thông báo hoặc kể cả trong trường hợp không gửi thông báo đến Bên Mua thì Bên Mua vẫn chịu trách nhiệm về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Bên Bán theo quy định của Hợp Đồng này.

2.3. Bên Mua thanh toán cho Bên Bán bằng tiền Việt Nam theo hình thức như sau:

- Thanh toán bằng tiền mặt trực tiếp tại địa chỉ liên hệ của Bên Bán.
- Chuyển khoản theo thông tin tài khoản duy nhất không hủy ngang như sau:
 - ❖ Chủ tài khoản :
 - ❖ Tài khoản số :
 - ❖ Tại ngân hàng :
 - ❖ Nội dung chuyển khoản: [Tên Bên Mua] + [mã căn] +
- Phí ngân hàng, phí chuyển khoản, phí bảo lãnh và các khoản phí tương tự khác do ngân hàng thu trên bất kỳ khoản thanh toán nào mà Bên Mua thanh toán cho Bên Bán chỉ do một mình Bên Mua chịu và Bên Mua bảo đảm rằng Bên Bán luôn nhận được đầy đủ mọi khoản tiền mà Bên Mua phải thanh toán cho Bên Bán theo Hợp Đồng này;

- Thời điểm xác định Bên Mua đã thanh toán là thời điểm Bên Bán xuất phiếu thu hợp lệ theo quy định của Bên Bán về khoản tiền mặt đã nhận thanh toán của Bên Mua hoặc số tiền thanh toán chuyển khoản đã ghi có vào tài khoản Ngân hàng của Bên Bán.

ĐIỀU 3: PHÍ QUẢN LÝ VẬN HÀNH

- 3.1. Trong thời gian chưa thành lập Ban quản trị nhà chung cư, việc quản lý vận hành Nhà chung cư sẽ do Chủ đầu tư hoặc Đơn vị có chức năng và chuyên môn để thực hiện dịch vụ do Chủ đầu tư lựa chọn dựa theo uy tín và chất lượng dịch vụ. Nguyên tắc tổ chức, quản lý và vận hành Nhà chung cư đảm bảo công khai, minh bạch.
- 3.2. Tính từ thời điểm Bên Bán bàn giao Căn hộ cho Bên Mua theo quy định tại Điều 8 của Hợp Đồng này đến thời điểm Ban quản trị Nhà chung cư được thành lập và ký Hợp đồng quản lý, vận hành nhà ở thì mức Phí quản lý vận hành dự kiến trong ... tháng đầu tiên sẽ do Bên Bán quy định là **VND** (... đồng)/m²/tháng (Đã bao gồm VAT). Bên Mua có trách nhiệm đóng khoản phí này cho Bên Bán cho ... (...) tháng đầu tiên trong vòng ... (...) ngày kể từ ngày Bên Bán gửi thông báo bàn giao Căn hộ. Sau kỳ thu đầu tiên, Phí quản lý vận hành Nhà chung cư sẽ được thu theo tháng vào ngày đầu tiên của mỗi tháng.
- 3.3. Mức phí này có thể được Bên Bán điều chỉnh nhưng phải tính toán hợp lý cho phù hợp với từng thời điểm.

BÊN BÁN
GIÁM ĐỐC

BÊN MUA

BÙI NGUYỄN PHONG

PHỤ LỤC 04

NỘI QUY QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÀ CHUNG CƯ

Đính kèm Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư sốngày)

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Nội quy này quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Nhà chung cư, được áp dụng đối với Chủ đầu tư, Ban quản trị, Đơn vị quản lý, Chủ sở hữu, Người sử dụng (bao gồm người tạm trú, khách thuê) và Khách ra vào Nhà chung cư.

ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- 2.1. “**Chủ sở hữu Căn hộ**” là tổ chức hoặc cá nhân có quyền sở hữu hợp pháp đối với một hoặc nhiều Căn hộ trên cơ sở: (i) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (“Giấy chứng nhận”) do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, hoặc (ii) Hợp đồng mua bán Căn hộ, hoặc (iii) Văn bản chuyển nhượng, thừa kế trong trường hợp Căn hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận, phù hợp với quy định của pháp luật, hoặc (iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 2.2. “**Người sử dụng**” là Chủ sở hữu đang trực tiếp sử dụng Phần sở hữu riêng hoặc tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng hợp pháp Phần sở hữu riêng trong Nhà chung cư thông qua hình thức thuê, mượn, tạm trú, được ủy quyền quản lý sử dụng hoặc sử dụng theo quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tất cả những người nào được ủy quyền để ở/ cư trú/ lưu trú trong Nhà chung cư.
- 2.3. “**Cư dân**” nghĩa là Chủ sở hữu, Người sử dụng.
- 2.4. “**Khách**” nghĩa là bất kỳ người nào vào trong khu vực của Nhà chung cư nhưng không phải là Cư dân.
- 2.5. “**Hội nghị Nhà chung cư**” là hội nghị có sự tham gia trực tiếp của các Chủ sở hữu hoặc họ ủy quyền hợp lệ cho người khác tham gia, hoặc sự tham gia của Người sử dụng trong trường hợp Chủ sở hữu không tham dự. Hội nghị Nhà chung cư được triệu tập và tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng Nhà chung cư.
- 2.6. “**Ban Quản trị**” là Ban quản trị do Hội nghị Nhà chung cư bầu ra để thay mặt các Chủ sở hữu thực hiện các quyền, trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 104 của Luật Nhà ở.
- 2.7. “**Hợp đồng dịch vụ quản lý**” là hợp đồng được ký kết giữa Chủ đầu tư hoặc Ban quản trị Nhà chung cư (sau khi được thành lập) với Đơn vị quản lý vận hành Nhà chung cư để cung cấp và thực hiện các Dịch vụ quản lý vận hành Nhà chung cư.

ĐIỀU 3: PHÍ QUẢN LÝ VẬN HÀNH VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC

- 3.1. Phí quản lý vận hành sẽ được xác định phù hợp với các quy định của pháp luật và được dự kiến bao gồm các khoản chi phí sau:
 - Chi phí điện, nước tại các Phần sở hữu chung;
 - Phí cho các dịch vụ do Đơn vị quản lý cung cấp dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng dịch vụ quản lý;
 - Các chi phí quản lý phục vụ hoạt động Ban quản trị và phụ cấp của Ban quản trị;
 - Chi phí cho dịch vụ an ninh, trật tự;
 - Bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm công cộng cho các Phần sở hữu chung (không tính bảo hiểm dành cho người hoặc tài sản trong phạm vi Phần sở hữu riêng);
 - Phí dịch vụ dọn dẹp, làm sạch, thu gom và xử lý rác, chăm sóc cây cảnh và cảnh quan;

- Chi phí cho dịch vụ phòng cháy chữa cháy theo quy định;
- Phí kiểm toán;
- Phí nhà thầu đối với các Phần sở hữu chung;
- Chi phí kiểm soát côn trùng và các động vật gây hại (chuột, bọ, gián, mối,...)
- Chi phí bảo dưỡng các Phần sở hữu chung (Không thuộc danh mục công việc bảo trì);
- Chi phí tư vấn thiết kế, kỹ thuật, quản lý hành chính.
- Các chi phí khác theo quy định tại Hợp đồng dịch vụ quản lý, phát sinh trên thực tế và theo quy định pháp luật

3.2. Các chi phí khác:

- (a). Cư dân đóng phí sử dụng như điện, nước (bao gồm có phí điện và phần nước hao hụt), truyền hình cáp, internet... các khoản sử dụng dịch vụ gia tăng khác cho căn hộ (nếu có).
 - (b). Việc sử dụng các công trình tiện ích khác (nếu có) không thuộc các Phần sở hữu chung đều được tính phí độc lập theo quy định riêng (nếu có) và không tính vào Phí quản lý.
- 3.3. Lãi suất sẽ được áp dụng đối với những thanh toán trễ hạn ... (...) ngày sau ngày đến hạn phải thanh toán là ...%/ngày trên số tiền chưa thanh toán tính từ ngày đến hạn phải thanh toán đến khi Cư dân hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

ĐIỀU 4: CÁC HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM TRONG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ CHUNG CƯ

- 4.1. Sử dụng Phí quản lý vận hành, Kinh phí bảo trì phần sở hữu chung không đúng quy định của Luật Nhà ở, Nghị định 99/2015/NĐ/CP ngày 20/10/2015, Thông tư 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Quy chế quản lý, sử dụng Nhà chung cư do Bộ Xây dựng ban hành.
- 4.2. Sử dụng hoặc cho phép sử dụng các Phần sở hữu chung vào các mục đích bất hợp pháp hoặc gây tổn hại đến danh tiếng của Nhà chung cư hoặc gây rắc rối, phiền hà hoặc nguy hiểm cho bất kỳ Chủ sở hữu và Người sử dụng khác.
- 4.3. Sử dụng thang máy và các thiết bị sử dụng chung không theo đúng mục đích, công năng thiết kế sử dụng. Trẻ em dưới 12 tuổi không được sử dụng thang máy hoặc công trình phục vụ chung khi không có cha, mẹ hoặc người lớn trông coi đi kèm và giám sát.
- 4.4. Gây thấm, dột, gây tiếng ồn quá mức quy định của pháp luật hoặc xả rác thải, nước thải, khí thải, chất độc hại không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc bản Nội quy này.
- 4.4. Tự ý gắn, dựng hoặc treo bất cứ ăng-ten truyền thanh hoặc truyền hình nào trên hoặc lên tường, sơn, trang trí mặt ngoài Phần sở hữu riêng, Phần sở hữu chung trong Nhà chung cư không đúng quy định về thiết kế, kiến trúc.
- 4.5. Tự ý chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng Phần sở hữu chung của Nhà chung cư; phần diện tích không phải để ở trong Nhà chung cư có mục đích hỗn hợp so với thiết kế đã được phê duyệt hoặc đã được Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
- 4.6. Vào bất cứ khu vực nào trong các Phần sở hữu chung mà được quy định là chỉ có những người có trách nhiệm mới được vào, nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư/Ban quản trị/Đơn vị quản lý (tùy từng trường hợp cụ thể).
- 4.7. Thực hiện bất cứ hành động nào mà có thể làm tăng phí bảo hiểm đối với Nhà chung cư. Trong trường hợp vi phạm dẫn tới việc tăng phí bảo hiểm đối với Nhà chung cư, phải bồi hoàn phần phí bảo hiểm tăng thêm.
- 4.8. Chủ sở hữu, Người sử dụng thuê nhà thầu có chuyên môn và năng lực phù hợp để tiến hành các công việc có ảnh hưởng đến các dịch vụ dành cho Phần sở hữu riêng bao gồm như: hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chiếu sáng và hệ thống cung cấp điện,...
- 4.9. Xây dựng hay lắp đặt bất kỳ công trình nào dưới bất cứ hình thức gì ở trên, bên dưới hay xung

quanh các Phần sở hữu chung.

- 4.10. Hút thuốc trong các Phần sở hữu chung, ngoại trừ tại các khu vực được cho phép và có chỉ dẫn cho phép hút thuốc.
- 4.11. Nuôi gia súc, gia cầm trong khu vực thuộc phần sở hữu chung hoặc phần sử dụng chung/khu vực thuộc sở hữu riêng hoặc phần sử dụng riêng làm ảnh hưởng tới trật tự, mỹ quan và môi trường sống của các hộ khác và khu vực công cộng (nếu nuôi vật cảnh thì phải đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật).
- 4.12. Cấm kinh doanh các ngành nghề, hàng hóa sau đây trong phần diện tích dùng để kinh doanh của Nhà chung cư:
- Vật liệu gây cháy nổ và các ngành nghề gây nguy hiểm đến tính mạng, tài sản của Người sở hữu, Người sử dụng theo quy định của pháp luật phòng cháy, chữa cháy;
 - Kinh doanh vũ trường; sửa chữa xe có động cơ; giết mổ gia súc; các hoạt động kinh doanh dịch vụ gây ô nhiễm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- 4.13. Thực hiện các hành vi nghiêm cấm khác liên quan đến quản lý, sử dụng Nhà chung cư theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 5. NƠI ĐỂ XE VÀ PHÍ GỬI XE

- 5.1. Khu vực để xe chung dùng cho xe đạp, xe máy, xe cho người tàn tật, xe động cơ hai bánh, xe động cơ ba bánh ứng với mỗi Phần sở hữu riêng sẽ được phân chia sau khi Nhà chung cư hoàn thành và đưa vào sử dụng.
- Các Chủ sở hữu và Người sử dụng, tùy thực trạng của khu vực để xe vào mỗi thời điểm, có quyền được đỗ xe tại khu vực để xe của Nhà chung cư. Đơn vị quản lý thực hiện quản lý chỗ để xe.
- 5.2. Khu để xe ô tô được đặt tại khu vực do Chủ đầu tư là quy định phù hợp với Nội quy này và theo thiết kế đã được phê duyệt.
- 5.3. Chủ sở hữu và Người sử dụng không được cho mượn, chuyển nhượng hoặc cho thuê lại chỗ để xe tại Khoản 5.1 Điều này, chỉ có những xe có Thẻ để xe riêng được phép ra vào Khu vực để xe dành cho Chủ sở hữu và Người sử dụng. Chủ sở hữu và Người sử dụng cần xuất trình Thẻ để xe trước khi ra/vào hoặc khi được yêu cầu bởi nhân viên trông giữ xe của Đơn vị quản lý.
- 5.4. Chủ sở hữu và Người sử dụng có nghĩa vụ tuân thủ các hướng dẫn, quy định chung trong Khu vực để xe tại Khoản 5.1 Điều này do Đơn vị quản lý hoặc nhà thầu phụ trách khu vực để xe ban hành tại từng thời điểm, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuân thủ đầy đủ các quy định về việc dừng, đỗ xe. Không được cản trở lối ra vào, đường bộ hành, đường xe chạy hoặc các khu vực công cộng như: đậu xe bừa bãi, để hàng hóa, vật dụng gây cản trở lưu thông. Khi lái xe ra/vào Nhà chung cư, phải giảm tốc độ và tuân thủ các bảng hướng dẫn giao thông. Xe chỉ được ở những nơi được cho phép, không được sử dụng chỗ đậu xe vào mục đích khác.
- 5.5. Việc quản lý chỗ để xe công cộng dành cho Khách ra vào Nhà chung cư (chỗ để xe dành cho các đối tượng không phải là Chủ sở hữu, Người sử dụng) được thực hiện theo quy định của Đơn vị quản lý (Khu để xe chung) và quy định của Chủ đầu tư (Khu để xe ô tô).
- 5.6. Cư dân, khách thanh toán Phí giữ xe theo phương thức và mức phí do Ban quản lý quy định phù hợp với từng loại xe.

ĐIỀU 6. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

- 6.1. Chủ sở hữu, Người sử dụng phải tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định về phòng chống cháy nổ trong Nhà chung cư của Nội quy này, phương án PCCC cơ sở được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, quy định vận hành riêng của Đơn vị quản lý và văn bản pháp luật liên quan.
- 6.2. Cửa cầu thang thoát hiểm là cửa chống cháy để quạt tạo áp phục vụ cho công tác thoát hiểm khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra, yêu cầu các cửa ra vào cầu thang thoát hiểm luôn phải đóng, không được tự ý chèn vật cản để mở cửa.
- 6.3. Chủ sở hữu, Người sử dụng là người chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động và thường xuyên kiểm

tra PCCC như sau:

- i. Khi vắng nhà dài ngày phải thông báo cho Đơn vị quản lý, tắt hết mọi nguồn thiết bị điện, nước, gas, ngắt cầu dao tổng.
- ii. Không tự tiện can thiệp, đấu nối, sửa chữa, lắp thêm thiết bị vào hệ thống báo cháy nổ, loa thông tin ở khu vực thuộc Phần sở hữu riêng.
- iii. Không hút thuốc lá ở hành lang, các thang bộ, cầu thang máy và những nơi công cộng khác của Nhà chung cư. Vứt đầu mẩu thuốc lá đúng nơi quy định.
- iv. Luôn thận trọng trong việc đun nấu, sử dụng các nguồn tạo ra nhiệt lượng. Thường xuyên kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các trang thiết bị (điều hòa không khí, tủ lạnh, máy đun nước, đèn sưởi,...) dây dẫn, ống dẫn của hệ thống gas, điện và các trang thiết bị khác nếu thấy có gì bất thường cần báo ngay cho Đơn vị quản lý xem xét xử lý. Phải đảm bảo an toàn khi không sử dụng hoặc khi ra khỏi Phần sở hữu riêng.
- v. Có trách nhiệm phổ biến đến từng thành viên trong Phần sở hữu riêng về nội quy phòng cháy chữa cháy, cửa thoát hiểm, biết cách sử dụng bình bọt, vòi nước cứu hỏa.
- vi. Phương tiện giao thông cơ giới từ 4 chỗ ngồi trở lên của Chủ sở hữu phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của Cơ quan quản lý nhà nước về PCCC.
- vii. Chủ sở hữu có trách nhiệm mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với Phần sở hữu riêng và có trách nhiệm đóng góp chi phí mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với Phần sở hữu chung. Chi phí mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho Phần sở hữu chung được phân bổ tương ứng với phần diện tích thuộc sở hữu riêng của từng Chủ sở hữu.

6.4. Các hành vi bị nghiêm cấm:

- i. Cố ý gây cháy, nổ làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe con người, gây thiệt hại tài sản của tổ chức và cá nhân.
- ii. Cố ý gây ra sự cố báo cháy giả.
- iii. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng, mua bán trái phép chất nguy hiểm về cháy nổ, vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, các tiêu chuẩn PCCC đã được pháp luật quy định.
- iv. Làm hư hỏng, tự ý thay đổi, di chuyển phương tiện, thiết bị PCCC, biển báo, biển chỉ dẫn, biển thoát nạn.
- v. Để các chất cháy nổ gần nguồn lửa, nguồn nhiệt.
- vi. Đốt vàng mã trong Nhà chung cư, phải mang đốt đúng nơi quy định của Nhà chung cư.
- vii. Dùng bình ga công nghiệp trong Nhà chung cư.
- viii. Vứt nguồn vật liệu gây cháy vào nơi để rác thải như: mẩu thuốc lá còn đang cháy, bật lửa gas, bao diêm,...
- ix. Thay đổi các thiết bị phòng cháy chữa cháy như đầu báo cháy, đầu báo khói, đầu báo rò rỉ khí gas,...
- x. Mang chất dễ cháy, dễ nổ vào khu vực Phần sở hữu chung của Nhà chung cư.

ĐIỀU 7. TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA CHỦ SỞ HỮU, NGƯỜI SỬ DỤNG, KHÁCH RA VÀO NHÀ CHUNG CƯ

7.1. Tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đúng các hướng dẫn và yêu cầu mà Chủ đầu tư, Đơn vị quản lý, Cơ quan Nhà nước đưa ra có liên quan đến:

- i. Việc tuân thủ và thực hiện Nội quy này.
- ii. Việc quản lý, điều hành và sử dụng Nhà chung cư đối với Phần sở hữu riêng, Phần sở hữu chung và mọi vấn đề có liên quan.

- iii. Các hướng dẫn, yêu cầu cụ thể khi xử lý các tình huống.
 - iv. Không được sử dụng hoặc cho người khác sử dụng Phần sở hữu riêng trái với các quy định tại Nội quy và quy định pháp luật hiện hành.
 - v. Không được cản trở việc bảo trì phần sở hữu chung hoặc việc thay thế, sửa chữa các thiết bị thuộc phần sở hữu chung, sử dụng chung gắn liền với Căn hộ hoặc diện tích khác thuộc sở hữu riêng.
 - vi. Các hành vi khác gây ảnh hưởng không tốt đến cộng đồng, Chủ sở hữu, Người sử dụng do Hội nghị Nhà chung cư xem xét, quyết định.
- 7.2. Tuân thủ và áp dụng các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy định hướng dẫn của Đơn vị quản lý. Cam kết phối hợp chặt chẽ cùng với Đơn vị quản lý để thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy, tham gia diễn tập phòng cháy, chữa cháy định kỳ hàng năm của Nhà chung cư.
- 7.3. Nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam như đăng ký tạm trú, trật tự an ninh,...
- 7.4. Đăng ký với Đơn vị quản lý ít nhất một số điện thoại (di động hoặc cố định) để Đơn vị quản lý liên hệ trong trường hợp cần thiết. Số điện thoại này phải là số điện thoại giữ liên lạc thường xuyên và trong trường hợp có thay đổi, Chủ sở hữu có trách nhiệm phải thông báo ngay cho Đơn vị quản lý để cập nhật.
- 7.5. Tự chịu trách nhiệm quản lý tài sản, đồ dùng cá nhân trong Phần sở hữu riêng.
- 7.6. Tự trang trải các chi phí về thiết kế và chi phí lắp đặt thêm hệ thống kỹ thuật (điện, điều hòa không khí, vệ sinh...) hay các vật liệu bên trong Phần sở hữu riêng sau khi được Chủ Đầu Tư hoặc Đơn vị quản lý phê duyệt bằng văn bản.
- 7.7. Có trách nhiệm phối kết hợp chặt chẽ cùng với Chủ đầu tư, Đơn vị quản lý trong các hoạt động vì mục đích chung cho Nhà chung cư, các hoạt động mang tính xã hội không phục vụ mục đích kinh doanh thu lợi, các hoạt động do Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phát động và yêu cầu, các chiến dịch ngăn chặn, phòng ngừa, các cuộc diễn tập phòng cháy, chữa cháy... mà Chủ sở hữu, Người sử dụng có trách nhiệm tham gia, thực hiện.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- 8.1. Quyền sở hữu đối với phần diện tích sở hữu riêng là Căn hộ hoặc Phần diện tích khác đã mua theo Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận và sử dụng diện tích thuộc Phần sở hữu chung của Nhà chung cư này.
- 8.2. Yêu cầu người có trách nhiệm cung cấp thông tin, công khai các nội dung liên quan đến quản lý sử dụng Nhà chung cư.
- 8.3. Chấp hành đầy đủ những quyết định của Hội nghị nhà chung cư.
- 8.4. Có trách nhiệm thực hiện việc bảo trì đối với Phần sở hữu riêng.
- 8.5. Đóng góp đầy đủ, đúng thời hạn phí quản lý, vận hành; phí bảo trì Phần sở hữu chung và các khoản kinh phí khác phải nộp theo quy định của pháp luật và Nội quy này.
- 8.6. Tạo điều kiện thuận lợi để người có trách nhiệm thực hiện việc vận hành và bảo trì Phần sở hữu chung Nhà chung cư.
- 8.7. Chấp hành nội quy, quy định về quản lý việc sử dụng nhà chung cư; thực hiện đúng các quy định về phòng chống cháy, nổ, chữa cháy, vệ sinh công cộng, an ninh trật tự; phát hiện và thông báo kịp thời các hành vi vi phạm trong Nhà chung cư.
- 8.8. Thực hiện việc đăng ký tạm trú, kê khai thông tin theo đúng quy định của pháp luật.
- 8.9. Cung cấp bản Nội quy này cho các thành viên cư trú, Người sử dụng trong Phần sở hữu riêng. Thông báo, thông tin, hướng dẫn, giám sát, yêu cầu Khách ra vào Nhà chung cư liên hệ với mình phải tuân thủ nghiêm túc, thực hiện đúng Nội quy này.

- 8.10. Khôi phục lại nguyên trạng hoặc bồi thường thiệt hại đối với Phần sở hữu chung hoặc Phần sở hữu riêng của Chủ sở hữu, Người sử dụng khác bị hư hỏng do mình gây ra.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG

- 9.1. Được sử dụng hợp pháp Phần sở hữu riêng khi được sự đồng ý của Chủ sở hữu và được sử dụng các phần diện tích thuộc Phần sở hữu chung của Nhà chung cư.
- 9.2. Yêu cầu Chủ sở hữu cung cấp bản Nội quy này và các thông tin, hướng dẫn, yêu cầu từ Đơn vị quản lý liên quan đến việc quản lý, sử dụng Nhà chung cư.
- 9.3. Tham gia Hội nghị nhà chung cư trong trường hợp có thỏa thuận với Chủ sở hữu và khi Chủ sở hữu không tham dự.
- 9.4. Chấp hành đầy đủ những quyết định của Hội nghị nhà chung cư.
- 9.5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 10 của Nội quy này, các quy định của Chủ đầu tư/Đơn vị quản lý và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH

- 10.1. Khách đến Nhà chung cư phải đăng ký và xác minh với Đơn vị quản lý thông qua giấy tờ cá nhân để đảm bảo an ninh cho Nhà chung cư.
- 10.2. Khách đến Nhà chung cư chỉ được vào Nhà chung cư khi Chủ sở hữu/Người sử dụng đồng ý và xác nhận với Đơn vị quản lý.
- 10.3. Chủ sở hữu/Người sử dụng có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát đối với mọi hoạt động của Khách đến Nhà chung cư do sự chấp thuận của mình.
- 10.4. Khách đến Nhà chung cư và ở lại qua đêm phải đăng ký đến Đơn vị quản lý.

ĐIỀU 11. SỬA CHỮA HƯ HỎNG, THAY ĐỔI, LẮP ĐẶT THÊM TRONG PHẦN SỞ HỮU RIÊNG VÀ VẬN CHUYỂN RA VÀO NHÀ CHUNG CƯ

11.1. SỬA CHỮA HƯ HỎNG

Trong trường hợp Phần sở hữu riêng có hư hỏng thì:

- (a) Chủ sở hữu/Người sử dụng phải ngay lập tức thông báo cho Đơn vị quản lý và thực hiện mọi nỗ lực, sử dụng mọi biện pháp cần thiết và hợp lý nhằm hạn chế thiệt hại đến mức tối đa. Trong trường hợp có vi phạm, Chủ sở hữu/Người sử dụng phải gánh chịu, toàn bộ hay một phần tùy theo mức độ nghiêm trọng của vi phạm đó, mọi chi phí sửa chữa, thay thế và khắc phục hư hỏng và thiệt hại phát sinh.
- (b) Đối với hư hỏng của các Phần diện tích và Thiết bị thuộc sở hữu chung nằm trong Phần sở hữu riêng mà không phải gây ra do lỗi của Chủ sở hữu, Người sử dụng, Khách hay bất kỳ bên thứ ba nào khác hoặc là do bởi một Sự kiện bất khả kháng, thì Đơn vị quản lý sẽ thực hiện việc sửa chữa phù hợp với phạm vi trách nhiệm của mình. Khi đó, Chủ sở hữu, Người sử dụng sẽ cho phép và tạo điều kiện thuận lợi cho Đơn vị quản lý và những công ty chuyên nghiệp do Đơn vị quản lý thuê được vào Phần sở hữu riêng và cho phép họ mang vào Phần sở hữu riêng máy móc, trang thiết bị cần thiết để thực hiện việc sửa chữa nói trên. Khi tiến hành sửa chữa, Đơn vị quản lý và những công ty chuyên nghiệp được thuê phải hạn chế tối đa mọi bất tiện có thể gây ra cho Chủ sở hữu, Người sử dụng và không được gây ra bất kỳ thiệt hại nào.
- (c) Trong trường hợp Người sử dụng không phải là Chủ sở hữu căn hộ thì không được tự thực hiện sửa chữa Phần sở hữu riêng, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ sở hữu. Nếu Chủ sở hữu uỷ quyền cho Người sử dụng căn hộ hay đơn vị thi công sửa chữa thì Chủ sở hữu vẫn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khôi phục lại nguyên trạng hoặc phải bồi thường 100% chi phí khắc phục hậu quả do lỗi của mình (hay thợ của mình) gây ra.
- (d) Đối với mọi hư hỏng khác của Phần sở hữu riêng mà do lỗi của Chủ sở hữu, Người sử dụng gây ra, thì Chủ sở hữu, Người sử dụng phải tự gánh chịu mọi chi phí sửa chữa, thay thế khắc phục hư hỏng đó.

- (e) Đối với các hư hỏng không liên quan tới các Phần diện tích và Thiết bị thuộc sở hữu chung, Chủ sở hữu và Người sử dụng có thể thuê Đơn vị quản lý hay tự thuê các công ty chuyên nghiệp được Đơn vị quản lý chấp thuận để sửa chữa. Trong trường hợp Chủ sở hữu và Người sử dụng muốn tự thuê các công ty chuyên nghiệp để sửa chữa hư hỏng thì:
- (i) Để duy trì chất lượng cho toàn bộ Nhà chung cư, tất cả các công việc sửa chữa do Chủ sở hữu, Người sử dụng dự định thực hiện trong phạm vi Phần sở hữu riêng phải được gửi cho Đơn vị quản lý xem xét và chấp thuận trước khi thực hiện
 - (ii) Trong quá trình các công ty chuyên nghiệp đó sửa chữa Phần sở hữu riêng thì Chủ đầu tư, Ban quản trị và Đơn vị quản lý (trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình) có quyền vào Phần sở hữu riêng để theo dõi, xem xét, kiểm tra và giám sát việc sửa chữa này nhằm đảm bảo an toàn chung cho Nhà chung cư, các Phần diện tích và Thiết bị thuộc sở hữu chung và các Phần sở hữu riêng khác ở bên trên, bên dưới hay xung quanh. Đơn vị thi công có trách nhiệm tự vận chuyển thiết bị, công cụ và vật liệu xây dựng phục vụ thi công, rác thải thi công vào và ra từ Phần sở hữu riêng (phải đăng ký sử dụng thang máy với Đơn vị quản lý và được chấp thuận trước khi bắt đầu vận chuyển).
 - (iii) Trong mọi trường hợp, việc sửa chữa nói trên không được làm ảnh hưởng hay phiền hà đến sinh hoạt bình thường của Chủ sở hữu và Người sử dụng của các Phần sở hữu riêng ở bên trên, bên dưới và xung quanh, cũng như không được gây ra bất kỳ thiệt hại nào cho các Phần sở hữu riêng này hay Chủ sở hữu và Người sử dụng. Trường hợp gây thiệt hại, Chủ sở hữu và Người sử dụng phải bồi thường toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật.
 - (iv) Các loại vật liệu xây dựng phải để đúng nơi quy định, phế liệu phải được dọn dẹp sạch sẽ sau mỗi ngày làm việc. Không bỏ rác xây dựng vào trong đường ống dẫn nước thải, hoặc khu vực chứa rác sinh hoạt, mà phải đưa đến nơi tập kết đúng quy định của Đơn vị vệ sinh chung của địa phương. Phải che chắn khu vực sửa chữa để ngăn bụi và các mảnh vụn...
 - (v) Để tránh gây tiếng động, tiếng ồn hoặc gây mùi khó chịu làm phiền đến những người xung quanh, các công việc liên quan đến việc sửa chữa kể trên, bao gồm nhưng không giới hạn ở tiếng máy khoan, tiếng gõ búa, hoặc bất cứ việc gì gây tiếng ồn quá mức trong Phần sở hữu riêng, sơn phun, đánh véc-ni gây bất tiện cho các Chủ sở hữu Người sử dụng lân cận..., sẽ không được thực hiện vào ngày Chủ nhật, ngày nghỉ lễ.

11.2. THAY ĐỔI HOẶC LẮP ĐẶT THÊM

- 11.2.1. Chủ đầu tư có quyền được gắn logo dự án, bảng quảng cáo thương hiệu của Chủ đầu tư tại các khu vực sử dụng chung của Tòa Nhà chung cư, với điều kiện không gây ảnh hưởng đến việc sở hữu, sử dụng Căn hộ của Cư dân và không ảnh hưởng đến diện tích Phần sở hữu chung.
- 11.2.2. Chủ sở hữu và Người sử dụng trong bất kỳ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào không được phép:
- (a) Thay đổi mặt trước căn hộ làm khác với tình trạng lúc bàn giao.
 - (b) Không được lắp các tấm chắn cố định như mái, tường, vách, ngăn,... trên ban công/lô gia hoặc sân thượng (nếu có).
 - (c) Tự ý lắp đặt bạt che, bảng hiệu, đèn trang trí, máy lạnh. Nếu có thì phải được sự phê duyệt của Chủ đầu tư/Ban quản trị/Đơn vị quản lý trước khi thực hiện.
 - (d) Trổ cửa, lỗ thông hơi, đục tường, cột, coi nói, che chắn, tháo dỡ, xây thêm tường hay các công trình xây dựng khác, thay đổi các vị trí trong nội thất, gắn thêm hay thay cửa chính; không được tháo dỡ, xây thêm tường hay các công trình xây dựng khác làm ảnh hưởng trực tiếp đến phần kết cấu, mặt ngoài,... đối với Phần sở hữu riêng hay các Phần diện tích và Thiết bị thuộc sở hữu chung.
 - (e) Tiến hành bất cứ hay đổi nào đối với ban công/lô gia, cửa sổ và cửa chính tiêu chuẩn đặt ở mặt ngoài của Phần sở hữu riêng mà chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản từ Đơn vị quản lý.
 - (f) Thi công các công trình ngầm dưới mặt đất, trong Phần sở hữu riêng hoặc ngay dưới các Phần diện tích và Thiết bị thuộc sở hữu chung bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc lắp đặt ống dẫn,

dây cáp ngầm, xây tường ngăn lên mặt sàn, phá vỡ, hệ thống kỹ thuật gắn với các Phần diện tích và Thiết bị thuộc sở hữu chung, ...

- (g) Thực hiện hay có bất kỳ công việc hay hành vi nào khác mà có thể làm thay đổi, biến dạng hay hư hỏng kết cấu bên trong hay bên ngoài Nhà chung cư hoặc cấu trúc bên trong hay bên ngoài Phần sở hữu riêng hoặc các Phần diện tích và Thiết bị thuộc sở hữu chung; việc vận hành, khai thác, sử dụng Nhà chung cư cũng như trái với quy định pháp luật hiện hành bao gồm nhưng không giới hạn việc đặt các biển quảng cáo, panô, áp phích, biển hiệu ở phía mặt ngoài của Phần sở hữu riêng, coi nói thêm ra xung quanh, tác động, can thiệp dưới bất kỳ hình thức nào làm ảnh hưởng tới kiến trúc tổng thể của Nhà chung cư, mặt ngoài của Phần sở hữu riêng.
- (h) Các quy định khác: do Hội nghị nhà chung cư quy định thêm cho phù hợp với Nhà chung cư trong từng thời kỳ theo quy định của pháp luật.

11.3. Thông báo và thực hiện sửa chữa hư hỏng, thay đổi hoặc lắp đặt thêm

11.3.1. Chủ sở hữu và Người sử dụng phải thông báo cho Chủ đầu tư/Ban quản trị/Đơn vị quản lý chấp thuận ít nhất ... (...) ngày làm việc về nội dung và tiến độ của việc bảo dưỡng, sửa chữa Phần sở hữu riêng của mình theo đúng phạm vi thiết kế, yêu cầu kỹ thuật và chất lượng và các yêu cầu khác mà Chủ đầu tư và Ban quản trị (hoặc Đơn vị quản lý theo ủy quyền của Ban quản trị) chấp thuận hay đưa ra và phải cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường và khắc phục bất kỳ hư hỏng hay thiệt hại nào khác phát sinh.

11.3.2. Đơn vị quản lý sẽ cung cấp các quy định liên quan đến việc phê chuẩn, vấn đề thiết kế, nhân công, vật liệu, sử dụng thang máy, xử lý rác, nhà thầu được chấp thuận,... Các thông tin chi tiết liên quan đến công việc như: nội dung công việc dự kiến, biện pháp thi công, kế hoạch thi công dự kiến, các bản vẽ thiết kế thi công (phải được Chủ đầu tư và Ban quản trị hoặc Đơn vị quản lý phê duyệt trước khi được thực hiện thi công), danh sách thợ thi công (nêu rõ họ tên, số CMTND, địa chỉ) kèm theo ảnh chụp, tiến độ thi công, cam kết tuân thủ các Nội quy và quy định của Nhà chung cư của Chủ sở hữu hoặc đơn vị thi công, ... phải được cung cấp cho Đơn vị quản lý xem xét và chấp thuận trước (trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình).

- i. Nếu việc bảo dưỡng, sửa chữa làm ảnh hưởng đến Phần sở hữu riêng lân cận thì phải bố trí thời gian thích hợp và thông báo cho Chủ sở hữu lân cận biết về lịch trình, thời gian thực hiện công việc. Trong trường hợp thuê người khác thực hiện, phải thông báo cho Đơn vị quản lý về thông tin đơn vị và cá nhân được thuê thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa.
- ii. Trước khi tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa Phần sở hữu riêng mà việc bảo dưỡng, sửa chữa có khả năng làm ảnh hưởng đến thiết kế, kết cấu của Phần sở hữu riêng hoặc Phần diện tích và Thiết bị thuộc sở hữu chung, Chủ sở hữu hoặc Người sử dụng phải đóng cho Đơn vị quản lý một khoản ký quỹ bảo đảm với giá trị tối đa là ... VND (... đồng chẵn) tùy từng mức độ thực hiện công việc. Khoản ký quỹ này dùng để thanh toán chi phí cho việc khắc phục hư hại (nếu có) xảy ra cho Phần diện tích và Thiết bị thuộc sở hữu chung, tài sản của các Chủ sở hữu khác.

11.3.3. Thực hiện sửa chữa hư hỏng, thay đổi hoặc lắp đặt thêm

- i. Để hạn chế bớt sự ảnh hưởng đối với các Chủ sở hữu khác, công tác thi công chỉ được thực hiện trong khoảng thời gian quy định như sau:

• Sáng: 08 giờ 00 đến 11 giờ 30

Chiều: 13 giờ 30 đến 17 giờ 00

Không thi công vào các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật (ngày lễ Tết, chiều thứ 7 và chủ nhật...).

- ii. Khi Chủ sở hữu, Người sử dụng hoàn tất việc bảo dưỡng, sửa chữa Phần sở hữu riêng, nếu không phải trừ các khoản đã nêu ở phần trên hoặc các khoản phạt (nếu có), Ban quản trị/Đơn vị quản lý sẽ hoàn trả khoản ký quỹ không tính lãi cho Chủ sở hữu, Người sử dụng đã ký quỹ đó trong vòng ... ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bảo dưỡng, sửa chữa.
- iii. Nếu có xảy ra thiệt hại đối với Nhà chung cư do việc thi công của Chủ sở hữu, Người sử dụng, thì Chủ sở hữu, Người sử dụng đó phải sửa chữa hoặc phục hồi hiện trạng như ban đầu trong vòng ...

(bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ban quản trị/Đơn vị quản lý yêu cầu. Nếu không thực hiện, Ban quản lý/Đơn vị quản lý sẽ tự tiến hành sửa chữa và phục hồi, toàn bộ chi phí thực tế do Chủ sở hữu, Người sử dụng gây ra thiệt hại phải chịu. Chi phí này sẽ được trích từ khoản ký quỹ, nếu vượt quá khoản ký quỹ thì Chủ sở hữu, Người sử dụng đó có nghĩa vụ trả bù cho đủ, trong thời hạn không quá ... (...) ngày làm việc kể từ ngày Ban quản trị/Đơn vị quản lý thông báo kèm theo chứng từ hợp lệ chứng minh chi phí thực tế phát sinh từ đơn vị được thuê thực hiện hoặc từ Đơn vị quản lý.

- iv. Nếu trong quá trình giám sát và nghiệm thu, Chủ đầu tư, Ban quản trị, Đơn vị quản lý hoặc đại diện (trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình) nhận thấy chất lượng thi công không đảm bảo an toàn, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn của Nhà chung cư thì Đơn vị quản lý có quyền yêu cầu Chủ sở hữu và đơn vị thi công đình chỉ thi công, thực hiện các biện pháp thay đổi, khắc phục để đảm bảo chất lượng, an toàn và tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà chung cư trong thời hạn cụ thể. Nếu quá thời hạn yêu cầu mà Chủ sở hữu /nhà thầu thi công không sửa chữa, khắc phục, Chủ đầu tư, Ban quản trị hoặc Đơn vị quản lý (trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình) có quyền thuê bên thứ ba độc lập, sau khi đã báo trước cho Chủ sở hữu hoặc Người sử dụng, vào thi công và hoàn tất công việc và mọi chi phí liên quan sẽ do Chủ sở hữu chi trả. Mọi công việc thi công, sửa chữa, thay mới, lắp thêm phải được Đơn vị quản lý nghiệm thu và phê chuẩn trước khi đưa vào sử dụng.

11.4. Vận chuyển đồ vật, ra vào nhà chung cư

- i. Trường hợp vận chuyển các thiết bị, đồ dùng trong Nhà chung cư hoặc vận chuyển vật liệu khi sửa chữa các hư hỏng thì phải thông báo cho Ban quản trị, Đơn vị quản lý và chỉ được thực hiện trong thời gian từ 09 giờ sáng tới 18 giờ chiều hàng ngày để tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà chung cư.
- ii. Trường hợp đối với các công việc thi công sửa chữa không phức tạp, Đơn vị quản lý quy định khoản ký quỹ bảo đảm nhưng không vượt quá ... VND (... đồng chẵn).
- iii. Tất cả những người của Nhà thầu phải đăng ký vào Nhà chung cư với nhân viên bảo vệ tại cổng bảo vệ trước khi bắt đầu bất kỳ công việc gì. Tất cả người dọn nhà phải đeo thẻ Nhà thầu trước khi vào Nhà chung cư.

11.5. Chấp thuận cho việc liên quan đến sức nóng, lửa, phát ra tia lửa

- i. Người sở hữu và Người sử dụng, nhà thầu phải đăng ký và phải được sự chấp thuận của Đơn vị quản lý cho công việc thực hiện bất kỳ việc nào liên quan đến lửa, sức nóng, phát ra tia lửa. Việc chấp thuận công việc này ban hành dựa hoàn toàn vào quyết định của Đơn vị quản lý có quyền thu hồi bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết.
- ii. Khi giấy phép hết hạn hoặc sau khi hoàn thành xong công việc, phải trả lại văn bản đã chấp thuận cho phép cho Đơn vị quản lý.
- iii. Người sở hữu và Người sử dụng, nhà thầu phải duy trì luôn có người trực tiếp túc trực và chỉ thực hiện công việc giám sát, kiểm tra và canh chừng PCCC liên tục trong khu vực và phải đặt thêm các bình chữa cháy.

ĐIỀU 12. XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM

- 12.1. Thành viên Ban quản trị, Đơn vị quản lý, Chủ sở hữu, Người sử dụng, người tạm trú và Khách ra vào Nhà chung cư nếu có hành vi vi phạm các quy định của bản Nội quy này hoặc vi phạm quy định của Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư do Bộ Xây dựng ban hành, quy định pháp luật thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra trong thời hạn ... (...) ngày.
- 12.2. Trường hợp Chủ sở hữu hoặc Người sử dụng hoặc đơn vị thi công thực hiện các công việc mà trực tiếp hoặc gián tiếp gây ảnh hưởng tới kết cấu của Căn hộ của mình hoặc Phần sở hữu riêng của người khác hoặc Phần sở hữu chung thì Đơn vị quản lý vận hành sẽ tiến hành lập biên bản, tạm ngưng thi công đồng thời thông báo cho Cơ quan thanh tra xây dựng và Chính quyền địa phương để xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- 12.3. Mức bồi thường thiệt hại và chi phí để khắc phục (dọn dẹp, vệ sinh, sửa chữa,...) sẽ do Đơn vị quản lý đưa ra và được Chủ đầu tư hoặc Ban quản trị chấp thuận sẽ được áp dụng trong việc xử lý các vi phạm.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 13.1. Nội quy này cũng sẽ được áp dụng để giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan tới việc quản lý, vận hành và sử dụng Nhà chung cư. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Nội quy này và Hợp đồng mua bán căn hộ ký kết giữa Chủ đầu tư và Chủ sở hữu, thì các Hợp đồng mua bán căn hộ sẽ được ưu tiên sử dụng để giải quyết tranh chấp hoặc mâu thuẫn giữa Chủ sở hữu và Chủ đầu tư.
- 13.2. Trong quá trình thực hiện Nội quy này, nếu có những kiến nghị cần sửa đổi, bổ sung Nội quy, các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến đóng góp bằng văn bản về Đơn vị quản lý hoặc Ban quản trị để đưa ra Chủ đầu tư (Khi chưa thành lập Ban quản trị) hoặc Ban quản trị để đưa ra Hội nghị Nhà chung cư quyết định theo thẩm quyền quy định tại Nội quy này.

Cho đến khi tổ chức Hội nghị Chủ sở hữu lần đầu, trên cơ sở tham vấn ý kiến của các bên liên quan, Chủ đầu tư có thể tiến hành việc điều chỉnh, sửa đổi một số điều khoản của Nội quy trên cơ sở phù hợp với nhu cầu quản lý, vận hành thực tế của Nhà chung cư, và đảm bảo các quy định pháp luật hiện hành.

- 13.3. Nội quy quản lý, sử dụng Nhà chung cư là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng mua bán Căn hộ. Nội quy quản lý, sử dụng Nhà chung cư có hiệu lực kể từ khi Chủ đầu tư ban hành cho đến khi được thay thế bởi một bản Nội quy khác do Hội nghị Nhà chung cư thông qua.

ĐIỀU 14: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 14.1. Nội quy này có thể được điều chỉnh, bổ sung theo từng thời điểm cho phù hợp với tình hình thực tế và theo pháp luật Việt Nam hoặc thông qua ý kiến của Chủ Đầu Tư, Ban Quản Lý và đa số cư dân nếu các điều chỉnh, bổ sung đó không trái với pháp luật và không ảnh hưởng đến bất cứ quyền lợi hợp pháp và tài sản của Chủ Đầu Tư và được Chủ Đầu Tư thông qua.
- 14.2. Nội quy này có tính bắt buộc thực hiện đối với các bên liên quan.

BÊN BÁN
GIÁM ĐỐC

BÊN MUA

BÙI NGUYỄN PHONG